



TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

TRIỆU TẤN THÉP







CỘT MỐC KỶ LỤC

Sản lượng
Doanh thu trên

1

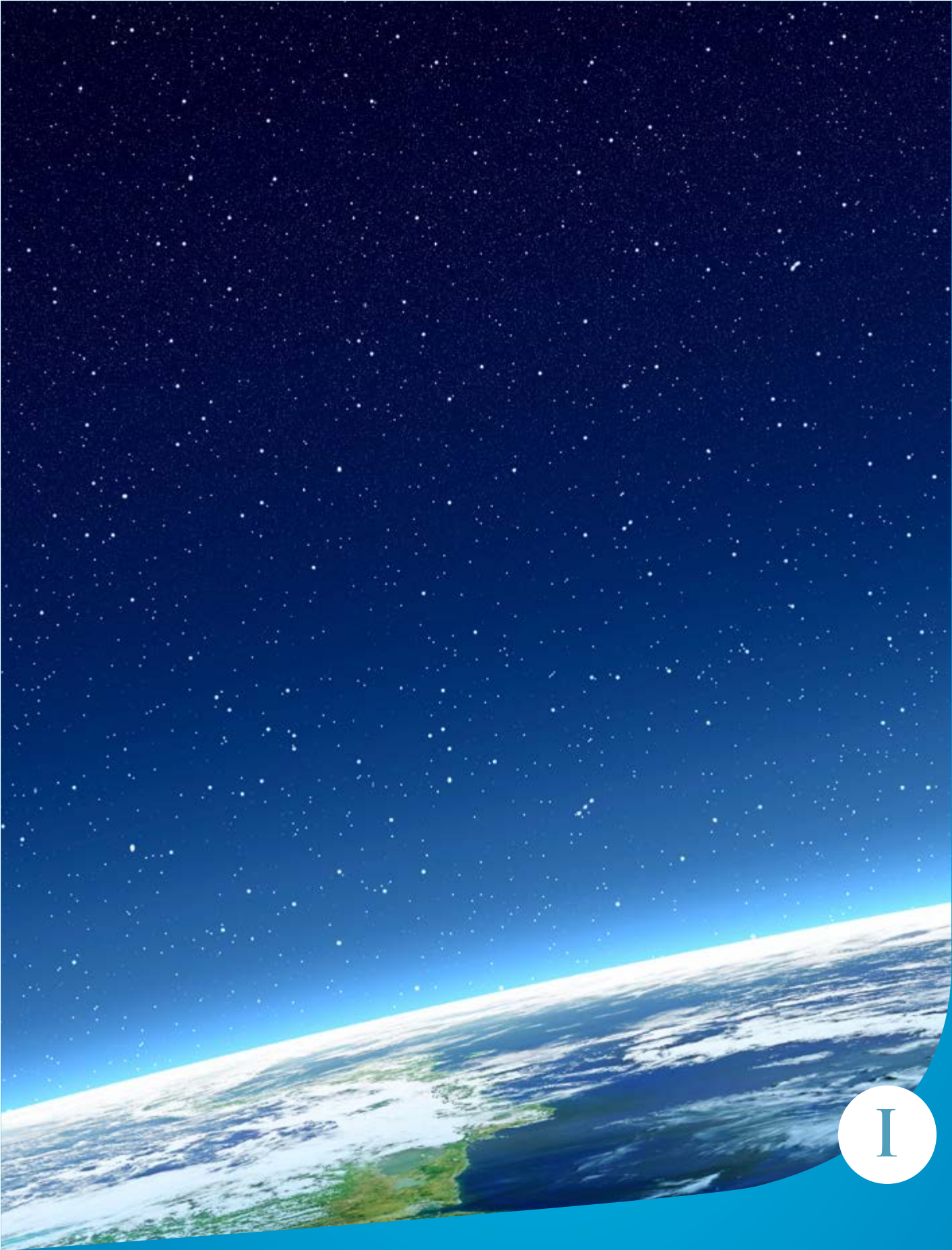
Triệu tấn thép
Tỷ USD



MỤC LỤC



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	5
Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	8
Tổng quan	10
PHẦN II: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	16
Nhân sự ban Giám đốc	17
Báo cáo của Ban Giám đốc	19
- Kết quả hoạt động SXKD 2014	19
- Tình hình tài chính	20
- Kế hoạch kinh doanh 2015	22
- Hoạt động của các công ty con	24
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	36
- Quản trị nhân sự	38
Quan hệ cổ đông	40
PHẦN III: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT	46
Thành viên và cơ cấu HĐQT	47
Đánh giá của Hội đồng Quản trị	52
Quản trị rủi ro	56
PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	58
Nhân sự Ban kiểm soát	59
Báo cáo của Ban kiểm soát	60
Báo cáo của Ban Kiểm soát nội bộ	61
PHẦN V: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	62
Nghiên cứu phát triển	63
Hoạt động xã hội	66
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 2014	68



I

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Giấy CN ĐKKD số:	0900189284
Vốn điều lệ:	4.886.431.750.000 đồng
Địa chỉ trụ sở:	KCN Phố Mới A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Văn phòng Hà Nội:	39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại:	(84) 4 62848666
Fax:	(84) 4 62833456
Chi nhánh Đà Nẵng:	171 Trường Chinh, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Điện thoại:	(84) 511 3721232
Fax:	(84) 511 3722833
Chi nhánh TP HCM:	643 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, TP HCM
Điện thoại:	(84) 8 62985599
Fax:	(84) 8 62987799
Website:	www.hoaphat.com.vn

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán:	HPG
Sàn niêm yết:	HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết:	15/11/2007
Số lượng cổ phiếu lưu hành:	488.643.175 cổ phiếu

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

1. Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
2. Sản xuất cán kéo thép, sản xuất tôn lợp;
3. Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống Inox;
4. Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
5. Luyện gang, thép; Đúc gang, sắt, thép;
6. Sản xuất và bán buôn than cốc;
7. Khai thác quặng kim loại; Mua bán kim loại, quặng kim loại, sắt thép phế liệu;
8. Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
9. Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, trường học;
10. Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí;
11. Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
12. Kinh doanh bất động sản.



THÔNGIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa Quý cổ đông,

Năm 2014, nền kinh tế Việt Nam và thế giới đã có những chuyển biến tích cực mặc dù dấu hiệu phục hồi còn chưa rõ nét. Tuy nhiên đối với Tập đoàn Hòa Phát, 2014 là cột mốc đáng ghi nhớ với những thành công rực rỡ, tạo nền tảng vững chắc để Tập đoàn vững bước đi lên, tiếp tục đổi mới, thực hiện chiến lược dài hạn trong chu kỳ phát triển 10 năm tới.

Kết thúc năm 2014, Tập đoàn Hòa Phát đạt 25.852 tỷ đồng doanh thu và 3.250 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, vượt 12% và 48% so với kế hoạch đề ra. Lần đầu tiên Hòa Phát không chỉ đạt mức doanh thu 1,2 tỷ USD mà sản xuất và tiêu thụ cũng vượt mốc 1 triệu tấn thép xây dựng.

Bộ máy quản trị theo mô hình tập đoàn đã ngày càng hoàn thiện, hoạt động nhịp nhàng xuyên suốt. Toàn Hòa Phát thực sự là cỗ máy chuyển động không ngừng trong tất cả lĩnh vực sản xuất kinh doanh, từ mảng cốt lõi là thép đến các ngành công nghiệp khác và bất động sản. Tập đoàn Hòa Phát cũng là mái nhà chung của trên 10.000 cán bộ công nhân viên với truyền thống gắn bó, đùm bọc lẫn nhau.

Gắn sự phát triển của mình với lợi ích của xã hội, Hòa Phát đã dành hàng chục tỷ đồng tổ chức hoạt động xã hội từ thiện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh kém may mắn vươn lên trong cuộc sống tại nhiều tỉnh, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa như Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang. Trong năm 2014, tổng số nộp ngân sách nhà nước trên toàn quốc của Tập đoàn Hòa Phát đạt 2.189 tỷ đồng, tăng gần 20% so với năm 2013.

Thắng lợi ấn tượng trên là thành quả tích lũy từ uy tín thương hiệu, tiềm lực tài chính, kinh nghiệm quản trị, điều hành sản xuất và đặc biệt là sự đoàn kết, quyết liệt vượt thử thách xuyên suốt chiều dài lịch sử phát triển Tập đoàn 22 năm qua.

Thép vẫn là ngành kinh doanh cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn của Hòa Phát. Năm 2015 Hòa Phát đặt mục tiêu sản xuất và tiêu thụ 1,2 triệu tấn thép xây dựng, ống thép tăng trưởng 30%. Các ngành hàng sản xuất công nghiệp khác (nội thất, điện lạnh, thiết bị phụ tùng, năng lượng, khoáng sản, thương mại) hoạt động ổn định. Mảng bất động sản tiếp tục đặt mục tiêu lấp đầy cao nhất diện tích các khu công nghiệp, triển khai dự án tổ hợp chung cư, văn phòng và thương mại.

Năm 2015 sẽ là bước ngoặt đổi mới quan trọng của Hòa Phát, chúng tôi sẽ mở ra một nhánh kinh doanh hoàn toàn mới - hoạt động thương mại và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Lĩnh vực mới không dễ dàng, áp lực cạnh tranh thậm chí lớn hơn ngành thép. Nhưng tôi tin tưởng với kinh nghiệm áp dụng quy trình sản xuất khép kín quy mô lớn và tinh thần nỗ lực “khó khăn nào cũng vượt qua, trở ngại nào vẫn tiến bước”, Hòa Phát sẽ tiếp tục thành công.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm và ủng hộ của Quý vị cổ đông, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác. Đặc biệt, tôi muốn dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBCNV Tập đoàn Hòa Phát, những người đã cùng tôi chung sức chung lòng cho đến ngày hôm nay.

Trân trọng,

Chủ tịch HĐQT

Trần Đình Long



Hòa Phát là một trong những Tập đoàn sản xuất công nghiệp tư nhân hàng đầu Việt Nam. Khởi đầu từ một Công ty chuyên kinh doanh các loại máy xây dựng. Từ tháng 8/1992, Hòa Phát lần lượt mở rộng sang các lĩnh vực Nội thất (1995), Ống thép (1996), Thép (2000), Điện lạnh (2001), Bất động sản (2001). Năm 2007, Hòa Phát tái cấu trúc theo mô hình Tập đoàn, trong đó Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát giữ vai trò là Công ty mẹ cùng các Công ty thành viên và Công ty liên kết. Ngày 15/11/2007, Hòa Phát chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán HPG.

Sau thời điểm tái cấu trúc, Hòa Phát có nhiều bước tiến mạnh mẽ trong đó nổi bật nhất là triển khai Dự án xây dựng Khu liên hợp gang thép tại Hải Dương với công nghệ sản xuất thép thượng nguồn và tham gia vào lĩnh vực khai thác khoáng sản để tạo đầu vào cho sản xuất thép. Hiện nay, Hòa

Phát nằm trong Top 3 doanh nghiệp sản xuất thép xây dựng lớn nhất Việt Nam.

Đến nay Tập đoàn Hòa Phát có 14 Công ty thành viên với các lĩnh vực hoạt động chính là Sản xuất thép – Sản xuất than coke – Khai thác khoáng sản – Sản xuất máy móc, thiết bị xây dựng – Sản xuất nội thất, điện lạnh – Kinh doanh bất động sản – Sản xuất thức ăn chăn nuôi với các nhà máy và chi nhánh tại Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Đà Nẵng, TPHCM, Bình Dương.

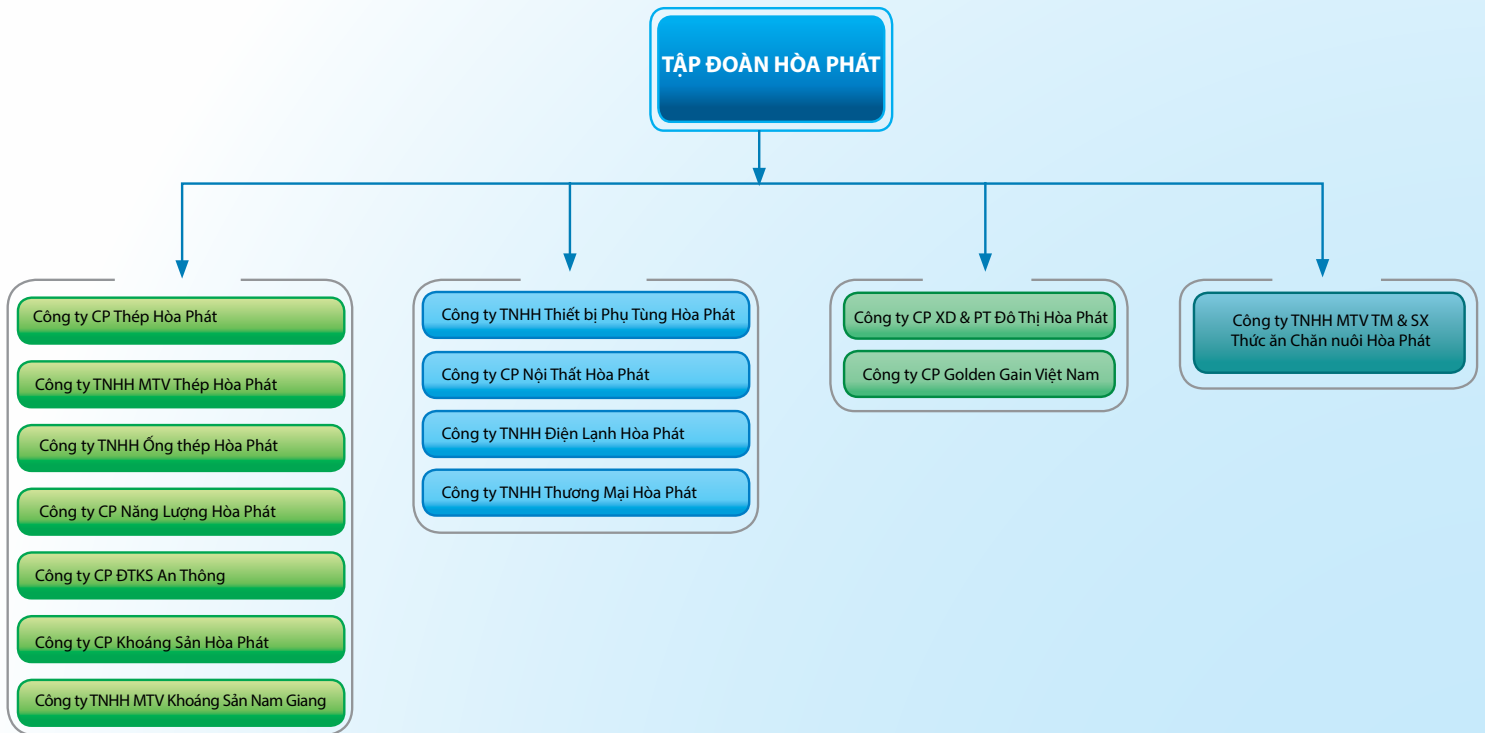
Sản xuất thép và các sản phẩm liên quan như than coke, quặng sắt chiếm tỷ trọng 77% doanh thu là lĩnh vực chủ lực của Tập đoàn. Nội thất Hòa Phát là một thương hiệu uy tín với thị phần lớn nhất Việt Nam về hàng nội thất văn phòng. Ngoài ra kinh doanh bất động sản, khu công nghiệp, khu đô thị cũng là một lĩnh vực mũi nhọn của Tập đoàn.



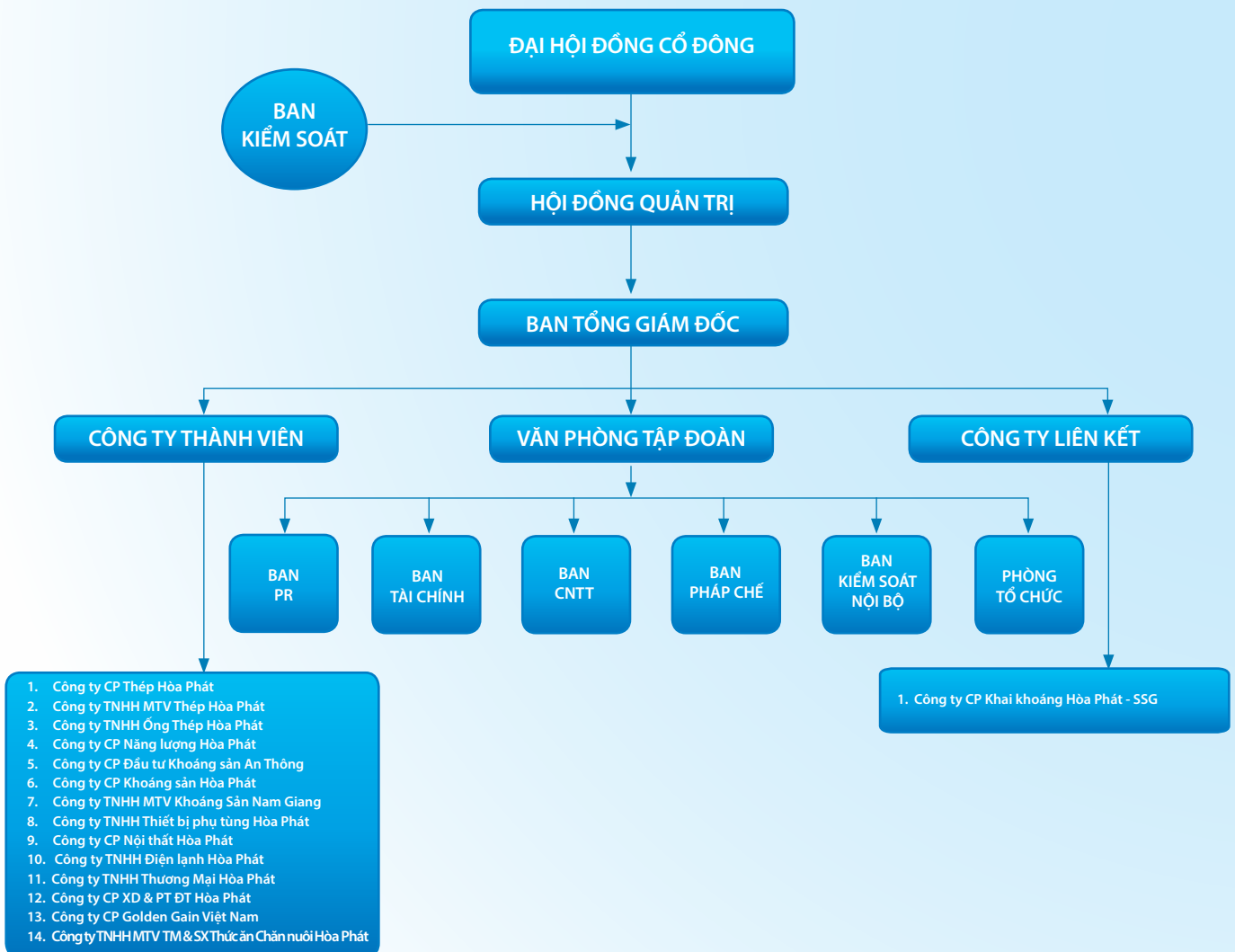
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trở thành Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu của Việt Nam hoạt động đa ngành với lĩnh vực cốt lõi là thép

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Tóm tắt các chỉ số tài chính

Chỉ tiêu (Đơn vị: đồng)	2012	2013	2014
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	17.122.073.926.267	19.200.234.178.082	25.851.816.458.125
Doanh thu thuần	16.826.851.892.984	18.934.292.150.531	25.525.348.822.713
Giá vốn hàng bán	14.341.642.566.494	15.650.540.636.204	20.338.346.539.679
Lợi nhuận gộp	2.485.209.326.490	3.283.751.514.327	5.187.002.283.034
Chi phí bán hàng	274.039.974.293	253.653.065.057	366.087.885.891
Chi phí quản lý	586.966.481.317	416.174.707.153	607.214.249.307
Lợi nhuận khác	14.943.260.928	32.866.936.094	(40.461.712.345)
EBIT	1.639.146.131.809	2.646.790.678.211	4.173.238.435.491
Chi phí khấu hao	596.227.337.059	720.195.566.311	1.106.005.660.313
EBITDA	2.235.373.468.868	3.366.986.244.522	5.279.244.095.804
Chi phí tài chính ròng	(420.399.492.992)	(252.130.284.965)	(403.546.451.752)
Lợi nhuận trước thuế	1.218.205.340.655	2.394.404.194.432	3.769.520.728.432
Thuế TNDN	187.699.911.137	383.968.791.663	519.306.138.228
Lợi nhuận sau thuế	1.030.505.429.517	2.010.435.402.769	3.250.214.590.204
Tài sản ngắn hạn	10.220.788.345.768	12.402.515.338.144	11.745.859.365.753
Tài sản dài hạn	8.794.975.115.778	10.673.862.524.545	10.343.245.032.050
Tổng tài sản	19.015.763.461.546	23.076.377.862.689	22.089.104.397.803
Tổng vay ngắn hạn và dài hạn	6.305.957.434.476	7.575.383.424.084	6.747.847.188.960
Vốn chủ sở hữu	8.085.135.114.809	9.500.327.254.417	11.795.984.026.356
Chỉ số tài chính			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	14,77%	17,34%	20,32%
Tỷ suất EBITDA	13,28%	17,78%	20,68%
Tỷ suất EBIT	9,74%	13,98%	16,35%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	6,12%	10,62%	12,73%
Tăng trưởng doanh thu thuần	(5,74%)	12,52%	34,81%
Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	(20,54%)	95,09%	61,67%
Chỉ số thanh toán nhanh (lần)	0,43	0,37	0,47
Nợ vay trên vốn CSH	77,99%	79,74%	57,20%
Thu nhập trên Vốn chủ sở hữu (ROE)	12,7%	21,2%	27,6%
Thu nhập trên Tổng tài sản (ROA)	5,4%	8,7%	14,7%
EPS (đồng/cổ phiếu)	2.386	4.663	6.435



Tính đến ngày 20/3/2015 Tập đoàn Hòa Phát có 14 công ty con và 1 công ty liên kết:

STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của HPG
1	Công ty CP Thép Hòa Phát	Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	Sản xuất thép, gang	2.500	99,99%
2	Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	600	100%
3	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	550	99,91%
4	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	Sản xuất và bán buôn than cốc.	1.000	99,89%
5	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Số 415, đường Trần Phú, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam.	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	500	99,96%
6	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt, bô xít, các kim loại quý hiếm.	150	99,8%
7	Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản Nam Giang	Thôn Dung, thị trấn Thanh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, khai thác quặng sắt.	30	100%
8	Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	180	99,72%

STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính	Vốn điều lệ đã góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của HPG
9	Công ty CP Nội thất Hòa Phát	Đường B4, khu B, Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	400	99,60%
10	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	150	99,67%
11	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.	Buôn bán và xuất nhập khẩu kim loại và quặng kim loại.	50	99,00%
12	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản; đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật.	300	99,67%
13	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Khu N03, khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, đường Hoàng Minh Giám, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam.	Kinh doanh bất động sản.	433	84,954%
14	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Sản xuất Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát	KCN Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; trồng ngô, cây lương thực có hạt khác, cây lấy củ có chất bột, cây có chứa hạt chứa dầu; chăn nuôi trâu, bò, ngựa, lợn, la, dê, cừu, lợn; bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	50	100%
Công ty liên kết					
1	Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	Số nhà 55B, đường Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, TP Kon Tum, Việt Nam.	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt.	14,828	38%



II

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP tại 26/02/2015(%)
1	Trần Tuấn Dương	Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGD	2,675
2	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	0,019
3	Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	0,382
4	Lý Thị Ngạn	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	0,004



Ông Trần Tuấn Dương

Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ĐH Kinh tế Quốc dân, Cử nhân báo chí ĐH Tổng hợp

Ngày vào Công ty: Năm 1992

Trước khi giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (từ tháng 01/2007), ông Trần Tuấn Dương đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại nhiều Công ty thành viên của Tập đoàn như: Công ty Thiết bị phụ tùng, Công ty Nội thất, Công ty Ống thép Hòa Phát.



Ông Nguyễn Việt Thắng

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Ngày vào Công ty: Năm 2003

Trước khi giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (07/04/2012), ông Nguyễn Việt Thắng đã có nhiều kinh nghiệm làm việc ở vị trí lãnh đạo với chức vụ là Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát. Tháng 3/2015, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty TNHH MTV Thương mại & Sản xuất thức ăn chăn nuôi Hòa Phát.



Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội

Ngày vào Công ty: Năm 1998

Trước khi giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (từ 01/09/2010), bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên đã giữ các chức vụ như Kế toán trưởng Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát; Trưởng ban Kiểm soát và Pháp chế Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.



Bà Lý Thị Ngạn

*Giám đốc tài chính
kiêm Kế toán trưởng*

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Ngày vào Công ty: Tháng 08/2007

Bà Lý Thị Ngạn giữ vị trí Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát kể từ ngày 01/01/2011.

● KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

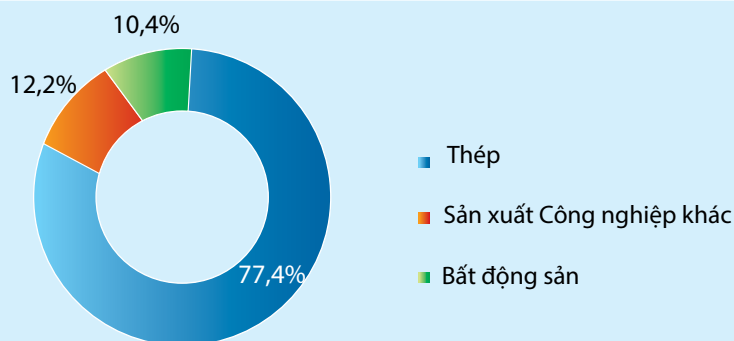
Năm 2014, kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục ghi nhận những chuyển biến tích cực, tuy nhiên mức độ phục hồi còn chưa mạnh, tăng trưởng GDP cả năm đạt 5,98%. Hoạt động sản xuất kinh doanh đã giảm bớt khó khăn khi tiêu thụ hàng hóa ổn định hơn, chi phí đầu vào như lãi suất, giá nguyên nhiên vật liệu giảm khá mạnh. Với ngành thép, sự ấm lên của thị trường bất động sản đặc biệt phân khúc nhà ở có mức giá trung bình làm cho sản lượng thép sản xuất và tiêu thụ tăng trưởng lần lượt 12% và 14% so với cùng kỳ năm 2013. Với chính sách chiến lược và mở rộng thị trường đặc biệt khu vực miền Trung – Tây Nguyên và tối ưu hóa chi phí sản xuất, Tập đoàn Hòa Phát đã đạt được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ấn tượng.

Doanh thu lợi nhuận tăng trưởng cao nhất trong lịch sử Hòa Phát

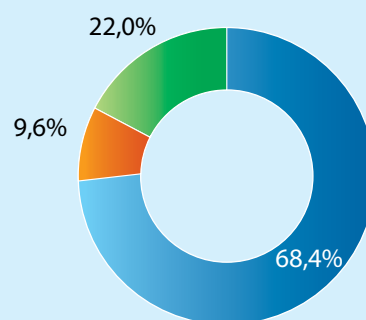
Kết thúc năm 2014, toàn Tập đoàn đạt 25.852 tỷ đồng doanh thu và 3.250 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế vượt 12% và 48% so với kế hoạch đề ra. Đây là năm đầu tiên ghi nhận sự tăng trưởng nhảy vọt nhất từ trước tới nay, doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt tăng trưởng 35% và 62% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2014 cũng đánh dấu cột mốc sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ đều vượt 01 triệu tấn thép thành phẩm. Nhóm ngành sản xuất và kinh doanh các mặt hàng về thép chiếm tới trên 77% doanh thu và 68% lợi nhuận toàn Tập đoàn.

Chỉ tiêu	Năm 2013 (tỷ đồng)	Năm 2014 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2014 (tỷ đồng)	% Tăng trưởng	% Thực hiện so với Kế hoạch
Tổng doanh thu	19.200	25.852	23.000	35%	112%
Lợi nhuận sau thuế	2.010	3.250	2.200	62%	148%

Tỷ trọng Doanh thu năm 2014



Tỷ trọng Lợi nhuận sau thuế năm 2014



Sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận sau thuế vượt trội kể trên chủ yếu nhờ các yếu tố sau:

- Năng lực sản xuất, bán hàng tăng kỷ lục từ nhóm ngành hàng thép: Sản lượng thép xây dựng tiêu thụ hơn 1.000.000 tấn, tăng 43% so với cùng kỳ; Ống thép tăng trưởng tốt.
- Tiết giảm chi phí sản xuất: Kỹ thuật quản trị sản xuất ngày càng tốt hơn, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong quá trình

sản xuất được tiết giảm góp phần làm cho lợi nhuận gộp tăng trưởng 58% so với cùng kỳ năm trước.

- Đóng góp lớn từ mảng bất động sản: Năm 2014 là năm ghi nhận phần lớn lợi nhuận của Dự án Mandarin Garden (gần 700 tỷ đồng).

● TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm (2014/2013)
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	19.016	23.076	22.089	(4,3%)
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	17.122	19.200	25.852	34,6%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	16.827	18.934	25.525	34,8%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	1.204	2.362	3.810	61,3%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.218	2.394	3.770	57,4%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.031	2.010	3.250	61,7%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	20%	30%	60%	100%

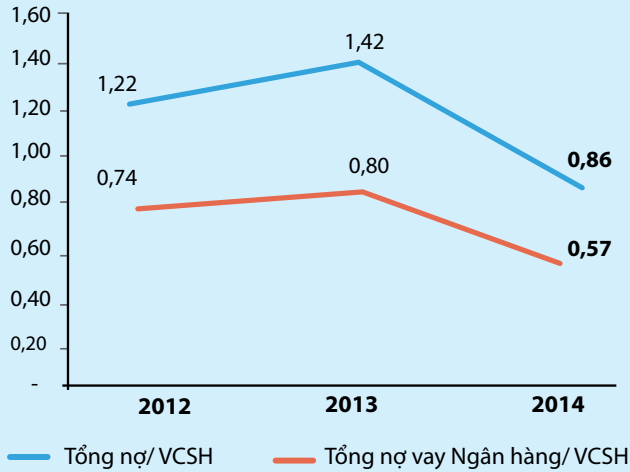
Ghi chú: Tỷ lệ trả cổ tức năm 2014 là số dự kiến



Một số chỉ tiêu về năng lực tài chính

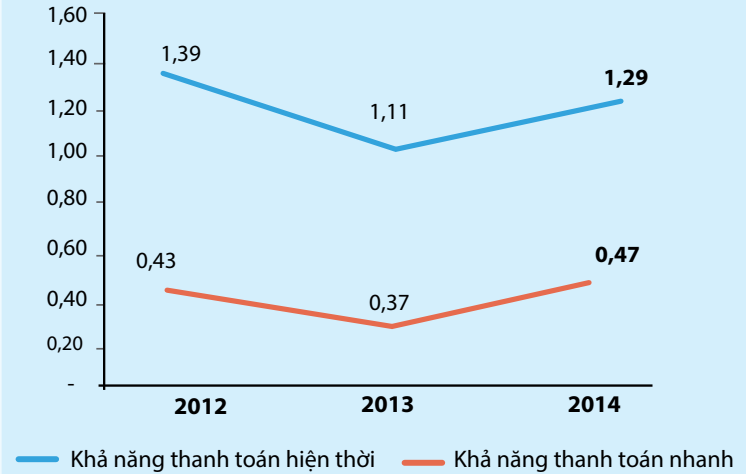
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
I	Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
1	Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,39	1,11	1,29
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,43	0,37	0,47
II	Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,55	0,58	0,46
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,22	1,42	0,86
III	Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	Lần	2,10	1,95	2,75
2	Vòng quay Tổng tài sản	Lần	0,88	0,82	1,16
IV	Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
1	Tỷ suất LNST/DT thuần	%	6,12	10,62	12,73
2	Tỷ suất LNST/VCSH	%	12,75	21,16	27,55
3	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	%	5,42	8,71	14,71
4	Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/DT thuần	%	9,65	13,81	16,51

Hệ số nợ



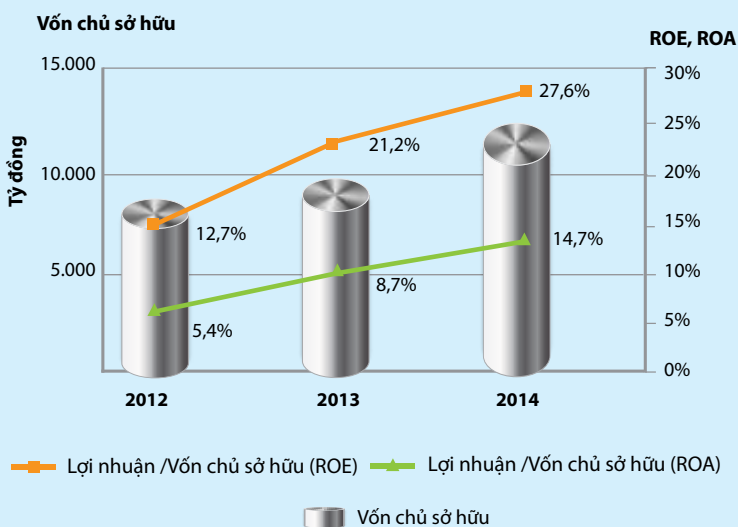
Hệ số nợ phải trả và hệ số nợ ngân hàng trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,86 và 0,57. Đây là các chỉ số được đánh giá ở mức an toàn đối với một tập đoàn sản xuất công nghiệp nặng.

Khả năng thanh toán nhanh và hiện hành

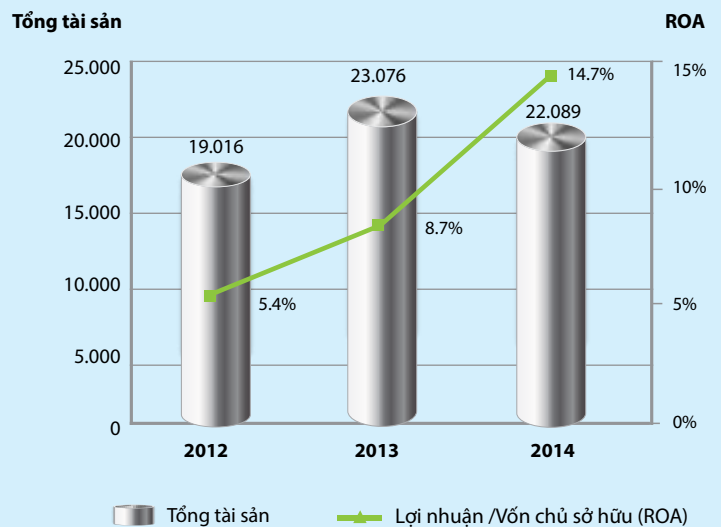


Khả năng thanh toán nhanh và thanh toán hiện thời của toàn tập đoàn tại thời điểm cuối năm 2014 lần lượt ở mức 0,47 và 1,29 lần. Điều này cho thấy sức khỏe tài chính của Tập đoàn hiện đang rất tốt, một con số hiếm có trong ngành.

Vốn chủ sở hữu, ROE và ROA qua các năm



Tổng tài sản và ROA qua các năm



Hai chỉ số tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) lần đầu tiên trong hơn 22 năm lịch sử hình thành phát triển đạt được mức ấn tượng lần lượt là 14,7% và 27,6%.

● KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Trong những năm tới, mảng sản xuất kinh doanh thép vẫn là lĩnh vực cốt lõi của Tập đoàn. Với chiến lược phát triển bền vững, Tập đoàn Hòa Phát chủ trương thận trọng và linh hoạt trong chính sách điều hành; ưu tiên đầu tư đổi mới công nghệ, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, giảm lượng hàng hóa và nguyên vật liệu tồn kho; xem xét thận trọng các kế hoạch đầu tư trung và dài hạn, đảm bảo dòng tiền lành mạnh và bảo toàn vốn.

Trên cơ sở nhận định tình hình kinh tế trong và ngoài nước cũng như xem xét kỹ các mảng hoạt động của mình, Ban lãnh đạo Tập đoàn dự kiến kế hoạch năm 2015, cụ thể như sau:

Doanh thu: 22.500 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 2.300 tỷ đồng

Đối với nhóm ngành thép, Hòa Phát đặt mục tiêu tiêu thụ 1,2 triệu tấn thép xây dựng. Ngoài đẩy mạnh thị trường trong nước, đặc biệt là khu vực miền Trung, miền Nam, Tập đoàn sẽ xúc tiến mạnh hơn việc đưa hàng sang các nước Đông Nam Á và các nước khác. Với sản phẩm ống thép, Hòa Phát đặt mục tiêu tăng trưởng 30% so với năm 2014.

Ngành hàng sản xuất công nghiệp khác vẫn đặt mục tiêu ổn định về doanh thu, nghiên cứu mở rộng sản xuất, phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng.

Trong mảng bất động sản, Hòa Phát đặt mục tiêu đạt tỷ lệ lấp đầy cao nhất diện tích khu công nghiệp đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật bổ sung trong năm 2014 tại KCN Phố Nối A và KCN Hòa

Mạc, đồng thời bắt đầu triển khai Dự án tổ hợp chung cư, văn phòng và thương mại tại 493 Trương Định, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Đây sẽ là mảng hoạt động đóng góp nhỏ nhất trong năm 2015, do hầu hết doanh thu và lợi nhuận từ Mandarin Garden đã được ghi nhận trong năm 2014 và cũng là yếu tố Tập đoàn đặt mục tiêu thấp hơn năm trước.

Trong vòng ba năm tới, Hòa Phát chính thức đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, quy mô lớn. Dòng tiền sẽ được ưu tiên cho lĩnh vực mới này bên cạnh các mảng kinh doanh chính. Tập đoàn kỳ vọng đây sẽ là lĩnh vực mang lại hiệu quả kinh doanh cao trong tương lai.



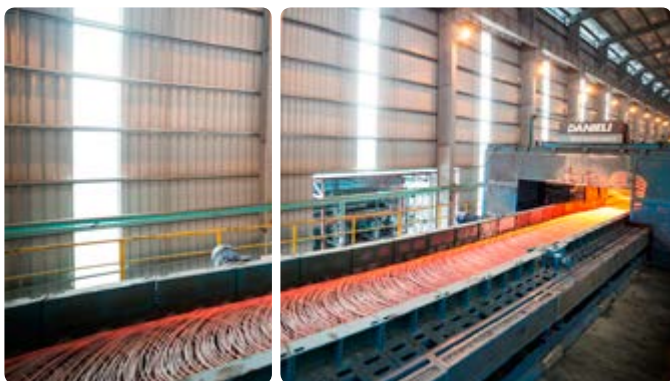
● HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

MẢNG SẢN XUẤT KINH DOANH THÉP VÀ CÁC NGÀNH PHỤ TRỢ

Mảng sản xuất kinh doanh thép tiếp tục là nhóm ngành hàng chủ lực của Hòa Phát. Kết thúc năm 2014, mảng sản xuất kinh doanh thép đạt tổng doanh thu 20.010 tỷ đồng, tăng 32% so với 2013.

THÉP XÂY DỰNG

Cột mốc kỷ lục 1 triệu tấn thép xây dựng trong năm 2014



Năm 2014, Hòa Phát lần đầu tiên cán mốc tiêu thụ kỷ lục hơn 1 triệu tấn thép xây dựng, vượt 11% kế hoạch năm, tăng 43% so với sản lượng năm 2013.

Sản xuất vượt trội, công suất tối ưu

Trên 70% sản lượng thép xây dựng là do Khu liên hợp gang thép Hòa Phát đóng góp. Điều này càng khẳng định vai trò “quả đấm thép” của Khu liên hợp, như lời của lãnh đạo Hòa Phát trong các cuộc tiếp xúc với các nhà đầu tư. Phần sản lượng còn lại là của nhà máy thép Hòa Phát tại Hưng Yên.

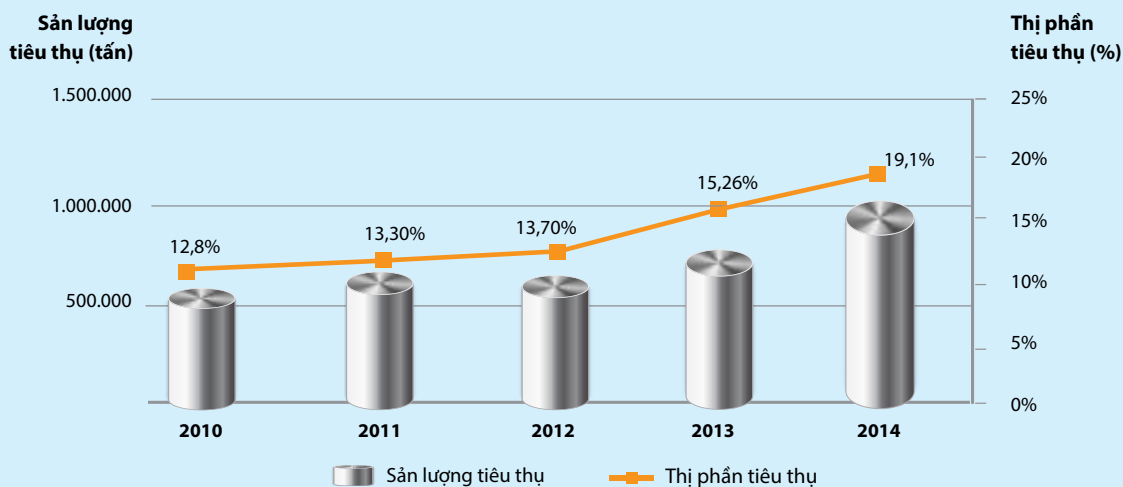
Kể từ cuối tháng 11/2014, Khu liên hợp gang thép Hòa Phát tại Hải Dương có tổng công suất gần 1 triệu tấn/năm. Đây là kết quả của việc đại tu và nâng cấp lò cao số 1 nhằm cải thiện công suất từ 350.000 tấn lên tối đa 450.000 tấn/năm, tăng hơn 20% công suất so với trước đây.

Công ty CP Thép Hòa Phát đã tiến hành đại tu lò cao 1 gồm các hạng mục như cải tạo hệ thống cấp liệu, hệ thống nước

làm mát, lò gió nóng, hệ thống lọc bụi, đại tu lòng lò luyện gang... Tổng chi phí của đợt đại tu, nâng cấp thiết bị lò cao 1 khoảng 200 tỷ đồng. Chính hoạt động này đã giúp cho lò cao 1 hoạt động ổn định hơn, tăng sản lượng thép đồng thời giảm tiêu hao năng lượng và bảo vệ môi trường tốt hơn.

Tháng 9/2014, Công ty CP Thép Hòa Phát bắt đầu triển khai giai đoạn 3 Khu liên hợp gang thép công suất 750.000 tấn với nhiều lợi thế. Nhờ cơ sở hạ tầng và nhiều hạng mục có sẵn và kinh nghiệm triển khai vận hành lò cao 7 năm qua, Tập đoàn Hòa Phát tiết kiệm được tối đa chi phí đầu tư cũng như thời gian triển khai. Dự kiến, đầu quý I/2016, toàn bộ giai đoạn 3 của dự án sẽ đi vào hoạt động. Khi hoàn thành giai đoạn 3 của Khu liên hợp vào năm 2016, Hòa Phát sẽ đạt công suất khoảng 2 triệu tấn thép/năm, củng cố vị thế nhà sản xuất thép hàng đầu Việt Nam.

Sản lượng và Thị phần tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát qua các năm



Sản lượng, thị phần 5 DN thép xây dựng đứng đầu thị trường

Công suất thiết kế hiện tại (ngàn tấn)	Năm 2013			Năm 2014			
	Sản lượng sản xuất (ngàn tấn)	Sản lượng tiêu thụ (ngàn tấn)	Thị phần (%)	Sản lượng sản xuất (ngàn tấn)	Sản lượng tiêu thụ (ngàn tấn)	Thị phần (%)	
Pomina	1.600	737	729	15,9%	791	793	15,1%
Hòa Phát	1.300	727	699	15,2%	1.008	1.001	19,1%
Tisco	600	482	521	11,4%	479	477	9,1%
Vinakyoei	400	427	443	9,7%	421	441	8,4%
VNS	450	386	374	8,2%	381	395	7,5%

Nguồn: VSA

Bán hàng đạt cột mốc kỷ lục

Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát là thành viên chịu trách nhiệm chính việc bán hàng thép xây dựng cho cả Tập đoàn. Năm 2014 thực sự là một năm thành công rực rỡ với Công ty khi lần đầu tiên cán mốc bán hàng hơn một triệu tấn, vượt 11% kế hoạch năm và tăng 43% so với sản lượng năm 2013, củng cố vững chắc vị trí số 1 về thị phần thép xây dựng với 19,1%. Đây là dấu mốc lịch sử có ý nghĩa quan trọng đối với Tập đoàn trong lĩnh vực thép xây dựng.

Thép Hòa Phát có sự tăng trưởng vượt bậc ở tất cả các vùng miền. Khu vực miền Nam và miền Trung đều tăng trưởng hơn 100% so với năm 2013. Cụ thể, sản lượng bán hàng tại khu vực miền Nam năm 2013 là 53.500 tấn thì năm 2014 đạt

112.000 tấn. Còn tại miền Trung, con số này tăng từ 55.000 tấn năm 2013 lên 109.000 tấn. Trong khi đó, sản lượng bán hàng tại miền Bắc đạt tới gần 780.000 tấn, tăng 32% so với năm trước.

Thành quả trên xuất phát từ định hướng đúng đắn ngay từ đầu năm của lãnh đạo Tập đoàn về chiến lược thị trường, mở rộng hệ thống phân phối, đặc biệt là các khu vực miền Trung, miền Nam, các tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình ở miền Bắc,... Hàng loạt các dự án lớn về hạ tầng giao thông, cải tạo nâng cấp cầu đường khắp cả nước đã lựa chọn thép Hòa Phát.

ỐNG THÉP

Sản lượng bán hàng ống thép Hòa Phát tăng 40% so với năm 2013



Kết thúc năm 2014, Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát đạt sản lượng bán hàng rất ấn tượng, tăng 40% so với năm trước. Trong đó, ống thép tôn mạ kẽm và tôn mạ nguyên liệu đóng góp tới 53% sản lượng và 60% doanh thu của toàn công ty. Với hơn 20% thị phần, ống thép Hòa Phát củng cố vị thế số 1 trên thị trường cả nước.

Sản phẩm ống tôn mạ kẽm (TMK) được người tiêu dùng ưa chuộng nhất hiện nay vì độ bền của sản phẩm, khả năng chống oxy hóa bề mặt cao, giá thành chỉ nhỉnh hơn ống thép đen hàn khoảng 7%. Do đó, tốc độ dịch chuyển và nhu cầu của thị trường chuyển từ sử dụng các sản phẩm cơ khí ống đen sang sử dụng ống TMK đã tăng với tốc độ chóng mặt trong vòng bốn năm gần đây, lên đến 80%.

Trong năm 2014, Ống thép Hòa Phát đã không ngừng đầu tư mở rộng sản xuất ở tất cả các nhà máy: Nhà máy ống thép, Nhà máy sản xuất thép cán nguội tại Hưng Yên; Nhà máy sản xuất ống thép Hòa Phát tại Đà Nẵng và Nhà máy ống thép Bình Dương. Đặc biệt, việc chính thức đưa nhà máy tại Đà Nẵng vào hoạt động đầu quý II/2014 đã góp phần gia tăng công suất và sản lượng bán hàng ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

Bên cạnh việc đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm ống thép, tạo lợi thế về nguồn hàng so với các nhà sản xuất khác, Hòa Phát đặc biệt chú trọng tới đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và công tác chăm sóc khách hàng, dịch vụ sau bán hàng. Nhờ vậy, sản phẩm ống thép được đánh giá cao nhất trên thị trường cả về chất lượng và dịch vụ. Công ty tạo được mối quan hệ thân thiện với khách hàng, đại lý nhằm sàng lọc được các thông tin thị trường kịp



Cũng theo lãnh đạo Công ty, một yếu tố quan trọng khác là chính sách hỗ trợ vận chuyển hàng tới công trình hoặc kho của đại lý. Đây là dịch vụ có tác động đáng kể đến quyết định mua hàng, đồng thời thể hiện sự chia sẻ, hợp tác chặt chẽ giữa nhà sản xuất và các đơn vị phân phối. Ống thép Hòa Phát thường xuyên tổ chức hội nghị khách hàng, sẵn sàng lắng nghe, đáp ứng tối đa mọi yêu cầu của khách hàng dù là nhỏ nhất.

Không chỉ thành công trong việc chiếm lĩnh thị trường trong nước, Công ty Ống thép Hòa Phát còn duy trì hoạt động xuất khẩu sang thị trường nhiều nước tại Bắc Mỹ, ASEAN, ... với sản lượng hơn 9.000 tấn ống thép và tôn mạ các loại, trong đó thị trường Mỹ và Canada chiếm 70%. Năm 2014, Ống thép Hòa Phát đạt doanh số xuất khẩu 14 triệu USD.

Bước sang năm 2015, Công ty đặt mục tiêu tăng trưởng khoảng 30% cả về sản lượng sản xuất và tiêu thụ, đồng thời tiếp tục mở rộng sản xuất tại các nhà máy ở Hưng Yên, Bình Dương và nâng công suất nhà máy tại Đà Nẵng lên gấp đôi so với năm 2014.



NĂNG LƯỢNG

Lợi nhuận tăng 32% so với năm trước

Giá than coke trên thị trường năm 2014 tiếp tục giảm nhưng Công ty Năng lượng Hòa Phát vẫn đạt doanh thu hơn 3.100 tỷ đồng, tăng 26% so với năm trước. Sản lượng coke tăng đáng kể với 513.000 tấn, trong đó có gần 30.000 tấn xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Đặc biệt, nhờ sản xuất coke ổn định hơn nên công suất phát điện của Công ty đạt 200 triệu KWh, đáp ứng khoảng 35% nhu cầu điện sản xuất của toàn Khu liên hợp gang thép Hòa Phát.

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện rất nhiều giải pháp cả về sản xuất và thị trường nhằm hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch đề ra. Đối với sản xuất than coke, việc đa dạng hóa nguồn nguyên liệu than là bài toán thường xuyên nhằm đảm bảo sản xuất ổn định, cải thiện chất lượng sản phẩm, tránh rủi ro và phụ thuộc vào các nguồn nhập khẩu. Dựa trên định hướng đó, Công ty tiếp tục duy trì tìm kiếm nguồn cung, thay thế các nguồn nguyên liệu đắt tiền bằng các nguyên liệu có nguồn cung dồi dào, giá rẻ hơn mà vẫn đảm bảo các chỉ tiêu về kỹ thuật và chất lượng sản phẩm.

Hoạt động bán hàng coke ở thị trường trong nước và xuất khẩu gặp khó khăn do ngành thép và luyện kim nói chung tăng trưởng chậm, than coke giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc cũng làm tăng tính cạnh tranh thị trường. Trước tình hình này, Công ty đã nỗ lực tiếp cận với nhà sử dụng sản phẩm cuối cùng để có thể tư vấn hỗ trợ khách hàng trong việc sử dụng than coke Hòa Phát hiệu quả hơn, giảm tiêu hao, tăng sản lượng, giúp họ hiểu hơn những lợi ích khi sử dụng than coke Hòa Phát.

Công ty dự kiến đầu tư nhiều hạng mục trong năm 2015 để nâng cao hơn nữa sản lượng coke và phát điện nhiệt dư. Một số dự án đầu tư lớn có thể kể tới là Nhà máy điện nhiệt dư Giai đoạn 3, với công suất thiết kế phát điện dự kiến 9 -15MW/h, nâng tổng công suất phát điện lên đến 52MW/h; xây dựng thêm kho chứa than nguyên liệu rộng 35.000m² có sức chứa khoảng 140.000 tấn; cải tạo hệ thống cấp điện từ nhà máy nhiệt điện giai đoạn 2 sang trạm 110KV của Công ty CP Thép Hòa Phát... Tổng vốn đầu tư các hạng mục này khoảng 300 tỷ đồng.



HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN QUẶNG SẮT

Tập trung cải tiến công nghệ

Hoạt động khai thác và chế biến quặng sắt do hai thành viên là Công ty CP Đầu tư khoáng sản An Thông và Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát đảm nhiệm nhằm cung cấp nguyên liệu đầu vào cho Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát tại Hải Dương. Tuy nhiên năm 2014, giá quặng trong nước và thế giới giảm mạnh nên Hòa Phát chủ trương giảm sản lượng khai thác tại các mỏ của mình, ưu tiên đầu tư nghiên cứu cải tiến công nghệ, mở rộng sản xuất khi giá quặng thế giới tăng.

Rất nhiều cải tiến về công nghệ tuyển và chế biến quặng sắt đã được Công ty nghiên cứu ứng dụng thành công vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giảm chi phí.

Đối với Công ty CP khoáng sản Hòa Phát, dự án xây dựng Nhà máy chế biến quặng sắt tại Hà Tĩnh và dự án mở rộng Nhà máy chế biến quặng sắt tại Yên Bái đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng. Đây là hai dự án trọng điểm của Công ty trong hai năm 2014-2015. Trong đó, dự án Nhà máy tại Hà Tĩnh được thực hiện qua Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát – Mitraco với tổng vốn đầu tư trên 400 tỷ đồng, công suất tuyển quặng thiết kế khoảng hơn 1 triệu tấn quặng thô mỗi năm.

Dự án mở rộng sản xuất tại huyện Trấn Yên - Yên Bái có tổng đầu tư 75 tỷ đồng, công suất tuyển thiết kế khoảng 600.000 tấn quặng thô/năm.



MẢNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG KHÁC

Nhóm ngành sản xuất công nghiệp truyền thống khác như Thiết bị xây dựng, Nội thất, Điện lạnh và Thương mại của Hòa Phát tiếp tục vượt qua khó khăn và đóng góp đáng kể vào thành công chung của Tập đoàn với doanh thu 3.143 tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2013.

THIẾT BỊ PHỤ TÙNG HÒA PHÁT

Ổn định thị trường, đầu tư nâng cấp nhà máy

Thiết bị phụ tùng Hòa Phát với các sản phẩm truyền thống như cầu tháp, vận thăng lồng, giàn giáo, cốp pha, máy xây dựng khai thác mỏ vẫn giữ vững các khu vực thị trường trong và ngoài nước. Nhiều công trình xây dựng lớn khắp cả nước lựa chọn sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, giàn giáo, cốp pha gỗ ván ép phủ phim, máy nghiền đá còn được xuất khẩu đi Myanmar, Philippines.

Đây cũng là thành viên cung cấp vật tư bằng tải, máy xây dựng và khai thác mỏ phục vụ các dự án nội bộ của Hòa Phát như giai đoạn 3 Khu liên hợp gang thép Hòa Phát, hệ băng tải chuyển than coke từ nhà máy năng lượng sang khu vực lò cao; cầu tháp, giàn giáo xây dựng dự án mở rộng nhà máy tuốt sắt kết sắt của Nội thất Hòa Phát tại KCN Phố Nối A,... Về sản xuất, Công ty đã đầu tư hệ thống đường dẫn container tại Nhà máy chế tạo cơ khí Hòa Phát (Hưng Yên), giúp việc xếp dỡ hàng hóa thuận tiện hơn. Bên cạnh đó, hệ thống lọc sơn thừa tại dây chuyền sơn tĩnh điện của nhà máy cũng được cải tiến nhằm hạn chế sơn bắn ra ngoài và thu hồi sơn thừa để tái sử dụng. Đặc biệt, Thiết bị phụ tùng Hòa Phát đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng 02 Robot, 02 máy tó, uốn hiện đại phục vụ cho việc sản xuất giàn giáo, tăng năng suất cho phân xưởng giàn giáo cốp pha.





NỘI THẤT

Vượt khó với chiến lược bao phủ toàn bộ thị trường

Trong bối cảnh nền kinh tế suy giảm, thị trường ngày càng cạnh tranh nhưng Công ty CP Nội thất Hòa Phát đã thực hiện nhiều biện pháp đột phá để giữ vững thị phần, thúc đẩy doanh thu bán hàng tăng trưởng vượt bậc so với năm 2013. Trong đó, chiến lược bao phủ toàn bộ thị trường với tất cả các loại sản phẩm khác nhau đã được áp dụng một cách linh hoạt và là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của Công ty trong năm qua. Nội thất Hòa Phát tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường nội thất tại Việt Nam.

Trong năm 2014, Công ty đưa ra nhiều giải pháp để ổn định sản xuất, từ nguồn nguyên liệu đầu vào đến hoạt động tổ chức sản xuất. Hệ thống nhà máy của Nội thất Hòa Phát luôn hoạt động hết công suất để đáp ứng nhu cầu đặt hàng của khách hàng, đặc biệt là vào thời điểm cuối năm. Một số dòng sản phẩm được điều tiết sản lượng phù hợp với nhu cầu của thị trường. Các dòng hàng tiêu chuẩn

như tủ sắt, két sắt, gỗ sơn PU, ghế xoay, gỗ công nghiệp, sản phẩm làm từ ống thép (mạ, sơn); hàng trường học vẫn là dòng hàng chủ lực chiếm lĩnh thị trường và có tỷ trọng lớn trong doanh thu. Các sản phẩm mới liên tục ghi dấu ấn nổi bật với nhiều mẫu mã mới như bàn ghế sofa các loại, ghế lưới, bàn ghế dành cho lãnh đạo, hội trường, công cộng được thị trường và người tiêu dùng đánh giá cao. Dòng hàng gia đình được xác định là mảng nghiên cứu phát triển sản phẩm ưu tiên của công ty trong thời gian tới. Nhằm nâng cao sản lượng sản phẩm cung ứng cho thị trường, năm 2014 Công ty CP Nội thất Hòa Phát đã tiến hành quy hoạch và xây dựng lại các nhà máy sản xuất ở cả hai miền Bắc – Nam để bố trí hợp lý hơn về mặt bằng và công nghệ sản xuất, nâng cao công suất và sản lượng đầu ra cho các mặt hàng.

Điểm mấu chốt để thành công là chiến lược bán hàng bao phủ toàn bộ và chiếm lĩnh thị trường một cách

bền vững được Ban lãnh đạo công ty chỉ đạo sát sao và xử lý kịp thời, từ đó tạo được hiệu ứng thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm tại các nhà phân phối. Năm 2014, kênh phân phối đại lý ổn định và được mở rộng tại một số khu vực thị trường. Thị trường miền Bắc, miền Trung và miền Nam tiếp tục tăng trưởng đồng đều. Hệ thống đại lý giới thiệu sản phẩm tại các nước Trung Đông, Đông Nam Á duy trì tốt, phục vụ hoạt động xuất khẩu.

Nội thất Hòa Phát luôn chủ động thực hiện các chính sách kinh doanh linh hoạt, phù hợp với từng thị trường nhằm tăng sản lượng tiêu thụ hàng hoá. Mục tiêu của Công ty năm 2015 là tiếp tục củng cố hệ thống kênh phân phối hiện có và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng và thị trường.



ĐIỆN LẠNH

Nâng cao năng lực đáp ứng thị trường

Năm 2014 Công ty đã hoàn thành Dự án mở rộng sản xuất tủ cấp đông tại KCN Phố Nối A – Hưng Yên. Toàn bộ thiết bị sản xuất được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nổi tiếng Châu Âu. Công ty cũng đầu tư xây dựng lại toàn bộ dây chuyền nhà máy sản xuất thiết bị Nhựa điện lạnh nhằm nâng cao năng lực sản xuất, cập nhật công nghệ mới. Nhà máy sản xuất Nhựa điện lạnh Hòa Phát công nghệ mới hoàn thành và đi vào hoạt động trong tháng 11/2014.

Điện lạnh Hòa Phát còn được Vụ Công nghiệp Nhẹ lựa chọn tham gia Chương trình hỗ trợ chuyển giao công nghệ sản xuất của Bộ Công thương, nằm trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam – Hàn Quốc về kinh tế, khoa học công nghệ. Theo đó, Công ty sẽ có cơ hội tiếp cận và nhận chuyển giao công nghệ của Hàn Quốc về hệ thống làm lạnh cho các dòng sản phẩm tủ lạnh, điều hòa, tủ cấp đông.

Thường xuyên cập nhật công nghệ hiện đại, sáng tạo và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm là những tiêu chí mà Công ty Điện lạnh Hòa Phát đang áp dụng. Chính vì vậy, sản phẩm của Công ty ngày càng được người tiêu dùng cả nước lựa chọn.



THƯƠNG MẠI HÒA PHÁT

Dấu ấn 10 năm xây dựng và phát triển

Từ quy mô nhỏ, đến nay Công ty đã đạt doanh thu hàng ngàn tỷ đồng, đóng góp quan trọng vào thành công chung của mảng sản xuất kinh doanh thép của Tập đoàn. Theo Chủ tịch HĐQT Trần Đình Long, dù số lượng cán bộ nhân viên không nhiều và là công ty thành viên duy nhất của Tập đoàn không có nhà máy sản xuất trực tiếp nhưng sứ mệnh của công ty là rất quan trọng – đầu mối xuất khẩu các sản phẩm của Hòa Phát ra nước ngoài, đặc biệt là phôi thép và thép xây dựng thành phẩm.

Năm 2014 đánh dấu 10 năm xây dựng và phát triển của Công ty Thương mại Hòa Phát (2004-2014), Công ty đã xuất khẩu 60.000 tấn phôi đi Thái Lan và Philippines, và trên 6.300 tấn thép cuộn và thép thanh sang thị trường

Úc và Lào. Đây là dấu ấn quan trọng mở ra hướng mới trong kế hoạch tiêu thụ của thép Hòa Phát.

Hiện tại, Công ty Thương mại Hòa Phát đã xây dựng được hệ thống khách hàng, đối tác trong và ngoài nước rất đồng đều, thân thiết cùng nhiều bạn hàng nước ngoài đến từ các quốc gia Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc, Thụy Sĩ, Anh, Hồng Kông, Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Lào... Sang năm 2015, Công ty tiếp tục củng cố và mở rộng thị trường trong nước cũng như các thị trường xuất khẩu có sẵn, đồng thời đẩy mạnh đưa thép xây dựng vào thị trường Lào với quy mô sâu, rộng và bài bản hơn, phấn đấu đạt mức doanh thu cao hơn năm 2014.



MẢNG BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2014, hoạt động kinh doanh bất động sản của Hòa Phát gồm hạ tầng khu công nghiệp và bất động sản nhà ở, khu đô thị đã đem lại 2.700 tỷ đồng doanh thu cho HPG. Trong 2015, các hoạt động này tiếp tục phát triển theo hướng ưu tiên mở rộng hạ tầng các khu công nghiệp, nghiên cứu các dự án nhà ở có tính thanh khoản cao để triển khai trong thời gian tới.





BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP

Đẩy mạnh mở rộng, hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp

Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát đang quản lý, khai thác hai khu công nghiệp (KCN) của Tập đoàn gồm KCN Phố Nối A (Hưng Yên) và KCN Hòa Mạc (Hà Nam).

KCN Phố Nối A có diện tích được quy hoạch là 600ha. Kết quả lấp đầy gần như 100% diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê của KCN Phố Nối A giai đoạn 1 (390ha) đã thúc đẩy Tập đoàn tiến hành đầu tư hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2 mở rộng KCN Phố Nối A. Hiện tại, Hòa Phát đã hoàn thành giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng kỹ thuật khoảng 100 ha trong tổng diện tích 204 ha KCN Phố Nối A mở rộng, sẵn sàng tiếp đón các nhà đầu tư.

Đối với KCN Hòa Mạc, Công ty đã đẩy mạnh hoàn thiện hơn cơ sở hạ tầng, cây xanh và đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải nhằm phục vụ cho các,

doanh nghiệp đang hoạt động tại đây. Vì vậy, trong năm 2014, khu công nghiệp Phố Nối A và Hòa Mạc do Hòa Phát làm chủ đầu tư đã liên tiếp đón nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước vào thuê đất xây dựng nhà máy, nhất là các công ty đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Hà Lan với tổng số vốn đăng ký hàng chục triệu đô la Mỹ. Riêng KCN Phố Nối A có 6 nhà đầu tư đến thuê đất, xây dựng nhà máy với tổng diện tích khoảng 16ha, tiêu biểu như Công ty TNHH Palfinger Neddeck Việt Nam, Công ty TNHH Hapam Việt Nam (Hà Lan), Công ty TNHH công nghiệp Fancy Việt Nam, Công ty TNHH Một thành viên Việt Nam Mie (Nhật Bản)... Trong khi đó, KCN Hòa Mạc lại thu hút nhiều doanh nghiệp của Hàn Quốc như hãng sản xuất đồ trang sức cao cấp Sebang Chain Việt Nam; nhà sản xuất gối cầu - Công ty TNHH DK Việt Nam,...





BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở & ĐÔ THỊ

Tập trung vào dự án có tính thanh khoản cao

Trong lĩnh vực bất động sản nhà ở, hơn 90% tổng số căn hộ tại Khu phức hợp Mandarin Garden đã có chủ. Do đó, hầu hết doanh thu và lợi nhuận của dự án này đã được ghi nhận trong năm 2014, mang lại sự tăng trưởng lợi nhuận đột biến cho Tập đoàn.

Từ tháng 8/2014 đến nay, Hòa Phát đã đẩy mạnh hoàn thành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sổ đỏ) cho cư dân tại đây.

Việc bàn giao sổ đỏ cho khách hàng chỉ sau chưa đầy một năm bàn giao căn hộ đầu tiên cho thấy Mandarin Garden là một trong những dự án tiến hành bàn giao sổ đỏ sớm nhất cho cư dân trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hiện tại, tất cả các tiện ích trong khu phức hợp Mandarin Garden như bể bơi, phòng tập gym, nhà trẻ, khu vui chơi ngoài trời... đều đang hoạt động một cách hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt của cư dân.

Theo một trang thông tin điện tử uy tín về bất động sản, Mandarin Garden do Hòa Phát làm chủ đầu tư được coi là một trong 10 khu chung cư cao cấp đáng sống nhất tại Hà Nội, nhờ hội tụ đầy đủ các tiêu chí như vị trí, chất lượng tòa nhà, dịch vụ tốt, mặt bằng dân trí của khu dân cư cao,... Đặc biệt, Thongtinduan.vn đã đánh giá rằng Mandarin Garden có quy mô kiến trúc rất hiếm hoi giữa Thủ đô, đồng thời khẳng định Hòa Phát đã lên một đẳng cấp mới sau khi hoàn thành khu phức hợp chung cư cao cấp này.

Với nhóm bất động sản nhà ở trong tương lai, Hòa Phát chỉ tập trung vào những dự án có quy mô vừa phải, đã có quỹ đất từ trước hoặc có tính thanh khoản cao, vị trí đẹp, không đầu tư tràn lan. Cuối năm 2014, Hòa Phát đã hoàn thành các thủ tục cần thiết để bắt đầu triển khai dự án tổ hợp chung cư thương mại và dịch vụ tại 493 Trương Định, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Dự án có quy mô 640 căn hộ được xây dựng trên diện tích gần 14.000m², gồm bốn khối nhà cao từ 26-30 tầng, không bao gồm 2 tầng hầm. Vị trí của dự án tương đối thuận lợi, nằm trên mặt đường Tân Mai, cách mặt đường Trương Định khoảng 50m. Tổng đầu tư dự kiến của dự án là 1.500 tỷ đồng, trong đó chủ yếu đầu tư bằng vốn tự có. Dự kiến, tổ hợp chung cư văn phòng dự án sẽ hoàn thành trong vòng khoảng ba năm.



● TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

DỰ ÁN KHU LIÊN HỢP GANG THÉP GIAI ĐOẠN 3

Sau khi, giai đoạn 1 và 2 của Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát hoàn thành và đưa vào hoạt động ổn định, Hòa Phát tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 3 của Khu liên hợp với tổng đầu tư dự kiến 3.800 tỷ đồng, công suất 750.000 tấn phôi thép/

năm và có sản phẩm vào quý I/2016. Hiện Dự án đã thi công được 50% khối lượng xây dựng toàn khu. Dự án đi vào hoạt động dự kiến trong quý 1/2016 nâng tổng công suất thép xây dựng toàn Tập đoàn lên gần 2 triệu tấn /năm.





CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

Dự án Mandarin Garden hoàn thành, đã bán hơn 90% tổng số căn hộ và ghi nhận đa số trong năm 2014. Hòa Phát đã bắt đầu bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sổ đỏ) cho cư dân tại đây.

Cuối năm 2014, Hòa Phát đã hoàn thành các thủ tục cần thiết và bắt đầu triển khai dự án tổ hợp chung cư thương mại và dịch vụ tại 493 Trương Định, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Dự án có quy mô 640 căn hộ được xây dựng trên diện tích gần 14.000m², gồm bốn khối nhà cao từ 26-30 tầng, không bao gồm 2 tầng hầm. Vị trí của

dự án tương đối thuận lợi, nằm trên mặt đường Tân Mai, cách mặt đường Trương Định khoảng 50m. Tổng đầu tư dự kiến của dự án là 1.500 tỷ đồng, trong đó chủ yếu đầu tư bằng vốn tự có. Dự kiến, tổ hợp chung cư văn phòng dự án sẽ hoàn thành trong vòng khoảng ba năm.

● QUẢN TRỊ NHÂN SỰ

Bảng kê lao động Tập đoàn

STT	Tên Công ty	Tổng	Trình độ				Giới tính	
			Trên ĐH	ĐH & CĐ	Trung cấp	Khác	Nam	Nữ
1	Cty CP Tập Đoàn Hòa Phát	85	3	35	5	29	44	41
Nhóm 1: Ngành Thép		7.148	11	2.195	1.058	3.884	6.298	850
1	Cty CP Thép Hòa Phát	3.268	1	1.002	418	1.847	2.915	353
2	Cty TNHH MTV Thép Hòa Phát	948	1	235	200	512	810	138
3	Cty TNHH Ống Thép Hòa Phát	1.467	5	502	237	723	1.336	131
4	Cty CP Năng Lượng Hòa Phát	584		225	88	271	473	111
5	Cty CP ĐTKS An Thông	676	2	173	98	403	596	80
6	Cty CP Khoáng Sản Hòa Phát	201	2	54	17	128	165	36
7	Cty TNHH MTV KS Nam Giang	4		4			3	1
Nhóm 2: Ngành sản xuất CN khác		2.999	6	607	390	1.996	2.336	663
1	Cty TNHH TBPT Hòa Phát	326	1	82	50	193	274	52
2	Cty CP Nội Thất Hòa Phát	2.315	3	391	238	1.683	1.794	521
3	Cty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát	343		124	101	118	260	83
4	Cty TNHH Thương Mại Hòa Phát	15	2	10	1	2	8	7
Nhóm 3: Ngành Bất động sản		319		118	18	183	244	75
1	Cty CP XD & PT Đô Thị Hòa Phát	121		35	4	82	84	37
2	Cty CP Golden Gain Việt Nam	198		83	14	101	160	38
Tổng		10.551	19	2.967	1.473	6.092	8.922	1.629

Chính sách dành cho người lao động



Kiến toàn hệ thống nhân sự và từng bước nghiên cứu áp dụng phần mềm quản lý nhân sự theo hệ thống cấp bậc nhân sự ở tất cả các bộ phận của từng công ty thành viên là dấu ấn quan trọng nhất trong công tác quản lý, phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn Hòa Phát trong năm 2014. Chính hoạt động này đã góp phần bố trí lao động một cách hợp lý nhất, phát huy tốt nhất năng lực của mỗi CBCNV, nâng cao hiệu quả quản trị sản xuất kinh doanh.



Hòa Phát đã dành ngân sách không nhỏ cho việc đảm bảo quyền lợi cho người lao động như tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, các tổ chức công đoàn tại địa phương, tổ chức chương trình thăm quan, nghỉ mát hàng năm, thăm hỏi tặng quà cho CBCNV và gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tặng quà cho nhân viên nữ nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3...

Cùng với việc đảm bảo đời sống, việc làm và thu nhập cho người lao động, Tập đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động

nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cũng như nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, tạo sự gắn kết, điển hình như: Tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm ở nước phát triển, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, tập huấn chuyên môn, các giải giao lưu bóng đá, thể thao... Đặc biệt chương trình liên hoan văn nghệ chào mừng 22 năm thành lập Tập đoàn Hòa Phát cuối năm qua đã tạo nên bầu không khí vui tươi, đoàn kết trong toàn Tập đoàn, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả.

Chiến lược của Hòa Phát về nhân sự trong thời gian tới là áp dụng triệt để hệ thống phần mềm quản lý nhân sự, chính sách định biên nhân sự, không ngừng đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động. Mặt khác, kịp thời động viên khuyến khích và hỗ trợ người lao động nhằm tạo nên sự liên kết mật thiết, logic giữa chiến lược nhân sự với các chiến lược khác, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.



CƠ CẤU CỔ ĐỒNG

Cổ phần

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mã chứng khoán: HPG

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 488.643.175 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 488.643.175 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng : 6.735.000 cổ phiếu

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:

- Ngày 04/06/2014 Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM chấp

thuận niêm yết bổ sung 62.855.642 cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2013 tỷ lệ 15%.

- Vốn điều lệ trước khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013 là: 4.190.525.330.000 đồng.

- Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013 là 4.819.081.750.000 đồng.

- Ngày 25/02/2015 công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM chấp thuận niêm yết bổ sung 6.735.000 cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động.

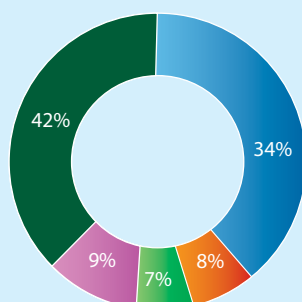
- Vốn điều lệ hiện tại: 4.886.431.750.000 đồng

Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2014: Không có

Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/02/2015

STT	Nội dung	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông nội bộ	240.312.068	49,18%
	HĐQT, BKS, BGĐ, KTT	166.628.021	34,10%
	Người có liên quan	40.861.833	8,36%
	CBCNV	32.822.214	6,72%
3	Cổ đông khác	248.331.107	50,82%
	Cổ đông trong nước	41.571.490	8,51%
	Cá nhân	30.278.194	6,20%
	Tổ chức	11.293.296	2,31%
	Cổ đông nước ngoài	206.759.617	42,31%
	Cá nhân	2.106.410	0,43%
	Tổ chức	204.653.207	41,88%
	Tổng	488.643.175	100,00%

Cơ cấu cổ đông theo nhóm cổ đông

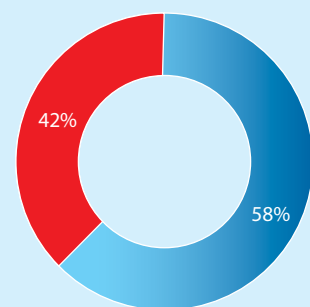


- HĐQT, BKS, BGĐ và KTT
- Người có liên quan
- CB CNV
- Cổ đông khác trong nước
- Cổ đông nước ngoài

Cơ cấu cổ đông theo địa lý tại ngày 26/02/2015

STT	Nội dung	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Việt Nam	281.883.558	57,69
	Cá nhân	267.710.262	54,79
	Tổ chức	14.173.296	2,90
2	Nước ngoài	206.759.617	42,31
	Cá nhân	2.106.410	0,43
	Tổ chức	204.653.207	41,88
	Tổng	488.643.175	100,00

Cơ cấu cổ đông theo địa lý



■ Việt Nam ■ Nước ngoài

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 26/02/2015

STT	Nội dung	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	256.599.087	52,51
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	98.991.320	20,26
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	133.052.768	27,23
	Tổng	488.643.175	100,00

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 26/02/2015

STT	Nội dung	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
1	Trần Đình Long	119 Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	116.218.080	23,78
2	Vũ Thị Hiền	119 Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	35.594.974	7,28
3	Nhóm Dragon Capital	1901 Cao Ốc Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp HCM, Việt Nam	43.105.102	8,82
4	Nhóm VOF	Suite 1703, Sun Wah Tower, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp HCM	31.711.182	6,49
5	Nhóm Deutsche Bank và Deutsche Asset	Winchester House, 1 Great Winchester Street, London EC2N 2DB	29.969.749	6,13
	Tổng		256.599.087	52,50

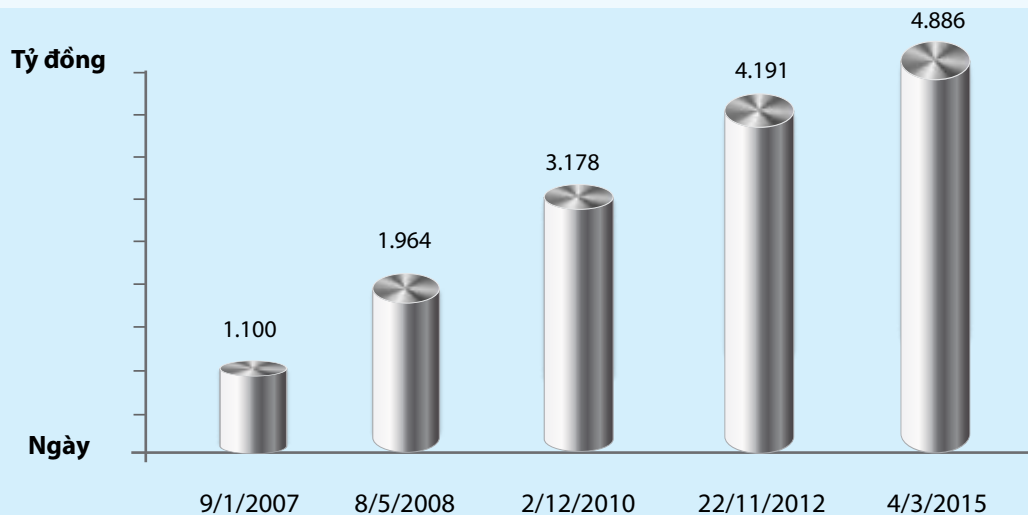
Top 10 cổ đông tổ chức lớn tại ngày 26/02/2015

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Nhóm Dragon capital	1901 Cao Ốc Mê Linh Point, 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp HCM, Việt Nam	43.105.102	8,82
2	Nhóm VOF	Suite 1703, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Blvd, Dist.1, HCMC	31.711.182	6,49
3	Nhóm Deutsche Bank + Deutsche Asset	Winchester House, 1 Great Winchester Street, London EC2N 2DB	29.969.749	6,13
4	PRIVATE EQUITY NEW MARKETS II K/S	TRANEGARDSVEJ 20 2900 HELLERUP DENMARK	14.570.483	2,98
5	HARDING LOEVNER FUNDS INC-FRONTIER EMERGING MARKETS PORTFOLIO	50 South Lasalle Street Chicago, Illinois 60603 USA	7.950.000	1,63
6	FRANKLIN TEMPLETON INVESTMENT FUNDS -TEMPLETON FRONTIER MARKETS FUND	26,BOULEVARD ROYAL L-2449 LUXEMBOURG GRAND DUCHY OF LUXEMBOURG	7.743.088	1,58
7	WASATCH FRONTIER EMERGING SMALL COUNTRIES FUND	505 Wakara Way 3rd Floor Salt Lake City, UT 84108	7.015.297	1,44
8	LIONGLOBAL VIETNAM FUND	21 Collyer Quay #14-01 HSBC Building Singapore 049320.	4.797.572	0,98
9	MACQUARIE BANK LIMITED	NO 1 MARTIN PLACE, SYDNEY 2000, NSW, AUSTRALIA	4.468.225	0,91
10	VIETNAM HOLDING LIMITED	Unit 1202 Floor 12, Fideco Tower, 81-85 Ham Nghi, District, HCMC, Vietnam	4.007.340	0,82
Tổng			155.338.038	31,79

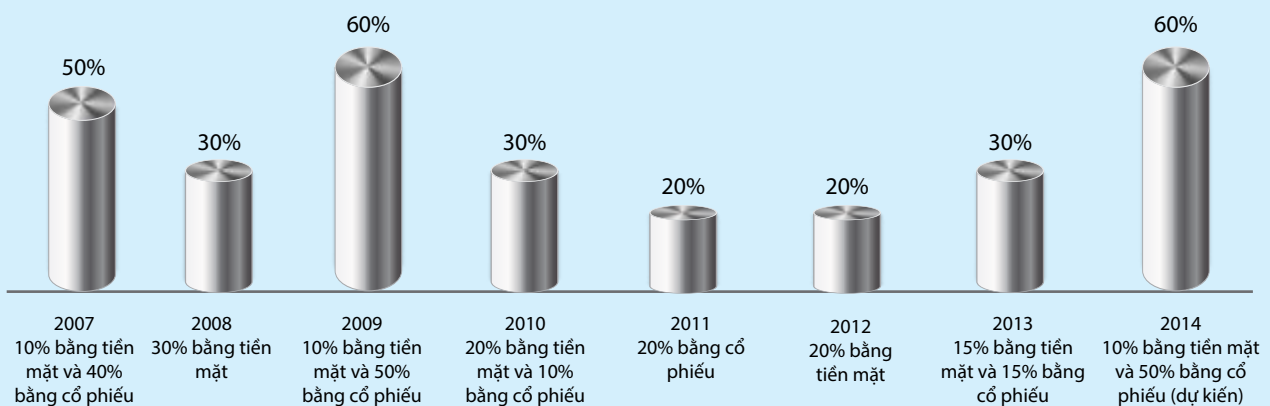
Biến động giá cổ phiếu HPG 2012-2015



Quá trình tăng vốn điều lệ của Tập đoàn Hòa Phát từ năm 2007 - 2015 (tỷ đồng)



Bảng theo dõi tỷ lệ trả cổ tức của HPG qua các năm



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Chính sách quan hệ cổ đông của Hòa Phát là công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch, và công bằng cho các nhà đầu tư. Hòa Phát được bình chọn là 1 trong 26 doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) tốt nhất năm 2014 theo khảo sát của Vietstock.vn. Bên cạnh việc tuân thủ đúng các quy định về Công bố thông tin Hòa Phát còn đẩy mạnh hoạt động quan hệ cổ đông giúp nhà đầu tư hiểu rõ hơn về Hòa Phát và cập nhật thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của HPG.

Ngoài việc gặp gỡ cổ đông, nhà đầu tư hàng ngày theo lịch hẹn gặp của các công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư, định kỳ hàng quý Hòa Phát còn chủ động tổ chức các buổi gặp mặt giữa nhà đầu tư với Ban lãnh đạo Công ty để cùng thảo luận và trao đổi thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả kinh doanh và kế hoạch kinh doanh của HPG đưa nhà đầu tư đi thăm quan các nhà máy, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát tại Hải Dương. Các cuộc gặp hàng quý nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của đông đảo các nhà đầu tư trong và ngoài nước, mỗi cuộc gặp có khoảng 50-60 nhà đầu tư đại diện các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ tới tham dự.

Công ty thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, tài liệu cho nhà đầu tư, tin tức hoạt động của các công ty trong Tập đoàn.... trên Website www.hoaphat.com.vn để nhà đầu tư hiểu rõ về hoạt động của công ty.

Các hoạt động nổi bật của công tác quan hệ cổ đông trong năm như sau:

- Ngày 28/03/2014, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông thường niên để thông qua các kết quả đạt được trong năm 2013, các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2014 và các nội dung khác.
- Hàng quý tổ chức gặp mặt nhà đầu tư để công bố kết quả kinh doanh quý và đưa nhà đầu tư đi thăm quan các nhà máy của Công ty.
- Tham gia các buổi hội thảo do các công ty chứng khoán tổ chức: Hội thảo của công ty chứng khoán Bảo Việt ngày 25/06/2014, Gateway to Vietnam ngày 11-12/09/2014 do công ty chứng khoán SSI tổ chức...







III

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 26/02/2015 (%)
1	Trần Đình Long	Chủ tịch HĐQT	23,78
2	Trần Tuấn Dương	Phó chủ tịch HĐQT	2,68
3	Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó chủ tịch HĐQT	2,63
4	Doãn Gia Cường	Phó chủ tịch HĐQT	1,98
5	Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên HĐQT	1,98
6	Tạ Tuấn Quang	Thành viên HĐQT	0,16
7	Hoàng Quang Việt	Thành viên HĐQT	0,49
8	Nguyễn Việt Thắng	Thành viên HĐQT	0,38
9	Ho An T	Thành viên HĐQT	-
10	Hans Christian	Thành viên HĐQT	-
Tổng			34,07

Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua các nội dung chính sau:

- Thông qua phương án chi tiết chi trả cổ tức năm 2013 với 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu;
- Tăng vốn vào Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát;
- Phê duyệt việc thực hiện Dự án Giai đoạn 3 Khu liên hợp gang thép Hòa Phát;
- Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2014 -2015;
- Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú;
- Và nhiều quyết định quan trọng khác.



Ông Trần Đình Long

Chủ tịch HĐQT

Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày vào Công ty: Năm 1992

Ông Trần Đình Long là cổ đông sáng lập và từng giữ vị trí Chủ tịch HĐQT của nhiều Công ty thành viên trong Tập đoàn. Ông là người đã xây dựng nền móng đầu tiên của Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát, tiền thân của Tập đoàn Hòa Phát hiện nay. Ông đã quy tụ được nhiều cán bộ giỏi về chuyên môn, đồng tâm về chí hướng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Trong quá trình hình thành và phát triển của Tập đoàn Hòa Phát, ông luôn là người định hướng chiến lược cho từng Công ty.



Ông Trần Tuấn Dương

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát

Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân, Cử nhân báo chí Đại học Tổng hợp

Ngày vào Công ty: Năm 1992

Trước khi giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (từ tháng 1/2007), ông Trần Tuấn Dương đã giữ nhiều vị trí lãnh đạo tại nhiều công ty thành viên của Tập đoàn như: Công ty Thiết bị Phụ tùng, Công ty Nội thất, Công ty Ống thép Hòa Phát. Với bề dày kinh nghiệm, ông đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế của thương hiệu thép Hòa Phát nói riêng cũng như toàn Tập đoàn nói chung.



Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát

Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày vào Công ty: Năm 1996

Năm 1996, ông Nguyễn Mạnh Tuấn là Phó Giám đốc Công ty Ống thép Hòa Phát kiêm Trưởng phòng Kinh doanh. Từ tháng 10/2004, ông Tuấn đảm nhiệm vai trò Giám đốc Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát. Ông đã đưa Ống thép Hòa Phát trở thành nhà sản xuất ống thép hàng đầu tại Việt Nam.



Ông Doãn Gia Cường

Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Nội thất Hòa Phát

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày vào Công ty: Năm 1999

Khi gia nhập Hòa Phát, ông Doãn Gia Cường được bổ nhiệm là Phó Giám đốc, sau đó là Giám đốc Công ty Nội thất Hòa Phát. Từ tháng 1/2007, ông kiêm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT. Với những định hướng rõ ràng và mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn, ông góp phần đưa thương hiệu Nội thất Hòa Phát ngày càng trở nên gần gũi với mỗi người dân Việt Nam.



Ông Nguyễn Ngọc Quang

*Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty
Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát*

Trung cấp

Ngày vào Công ty: Năm 1992

Ông Nguyễn Ngọc Quang có 4 năm (1992-1996) là Giám đốc Chi nhánh Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát tại TP. Hồ Chí Minh. Từ năm 1997 đến nay, ông giữ vị trí Giám đốc Công ty Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát. Là nhà sản xuất máy xây dựng hàng đầu tại Việt Nam, những sản phẩm của Công ty do ông lãnh đạo đã chinh phục được khách hàng trong và ngoài nước về cả chất lượng sản phẩm, giá thành và dịch vụ hậu mãi.



Ông Tạ Tuấn Quang

*Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty
Điện lạnh Hòa Phát*

Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày vào Công ty: Năm 1995

Ông Tạ Tuấn Quang là một trong những người đặt nền móng phát triển cho Nội thất Hòa Phát ngày nay. Ông từng có 11 năm gắn bó với Nội thất Hòa Phát với vai trò Giám đốc Công ty. Từ tháng 12 năm 2006 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Công ty Điện lạnh Hòa Phát và đã đem lại nhiều nét khởi sắc cho Công ty cũng như nâng tầm thương hiệu Funiki.



Ông Hoàng Quang Việt

*Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc Công ty
CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát*

Tốt nghiệp Đại học An ninh

Ngày vào Công ty: Năm 2001

Ông Hoàng Quang Việt gia nhập Hòa Phát với vị trí Phó Giám đốc Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát. Với cương vị Giám đốc, ông đã cùng Công ty gặt hái được nhiều thành công trong lĩnh vực bất động sản, với khởi đầu là xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phố Nối A. Từ thành công đầu tiên này, Ông và Ban lãnh đạo Công ty hoạch định nhiều dự án triển vọng về nhà ở và khu công nghiệp khác.



Ông Nguyễn Việt Thắng

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát

Kỹ sư Xây dựng

Ngày vào Công ty: Năm 2003

Trước khi giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (07/04/2012), ông Nguyễn Việt Thắng đã có nhiều kinh nghiệm làm việc ở vị trí lãnh đạo với chức vụ là Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị. Tháng 3/2015, ông được bổ nhiệm làm giám đốc công ty TNHH MTV Thương mại & Sản xuất thức ăn chăn nuôi Hòa Phát.



Ông Ho An T

Thành viên HĐQT

Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh

Ngày vào Công ty: 2012

Trước khi là thành viên HĐQT, ông Andy Hồ từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc đầu tư Dell Computer Corp (2000 – 2004); Giám đốc đầu tư Công ty quản lý quỹ Prudential (2004- 2007); Giám đốc điều hành Công ty quản lý quỹ Vinacapital (từ 4/2007-nay). Hiện ông Andy Hồ còn là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Vinawealth, Công ty CP đầu tư và kinh Doanh nhà Khang Điền, Thành viên HĐQT công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận.



Ông Hans Christian

Thành viên HĐQT

Thạc sỹ Kinh doanh, Đan Mạch

Ngày vào công ty: 2012

Được bầu là thành viên Hội đồng Quản trị năm 2012, Ông HANS CHRISTIAN từng công tác tại Quỹ Công nghiệp hoá cho các nước đang phát triển (IFU), Đan Mạch (1983-1989); Giám đốc khu vực, Quỹ đầu tư cho vùng Trung và Đông Âu, Đan Mạch (1989 – 1991); Tổng Giám đốc mảng nông nghiệp, Ngân hàng châu Âu cho xây dựng và phát triển (EBRD) London, Anh (1991-2006); Giám đốc điều hành quỹ PENM I và PENM II (2006 - nay).

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2014, kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Trong nước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp trong khi yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng cao. Tốc độ tăng giá tiêu dùng giảm mạnh, mặt bằng lãi suất giảm khoảng 2% so với cuối năm 2013, tăng trưởng tín dụng tăng. Tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại tệ tăng, đạt mức cao nhất từ trước đến nay, niềm tin vào đồng tiền Việt Nam tăng lên.

Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị đã định hướng và chỉ đạo Ban Điều hành đề ra các giải pháp vượt khó, duy trì, nâng cao sức cạnh tranh của sản

phẩm và tăng trưởng sản xuất kinh doanh.

Năm 2014 đối với mặt hàng chủ lực, Tập đoàn Hòa Phát đạt sản lượng bán hàng trên 1 triệu tấn thép xây dựng, tăng 43% so với sản lượng năm 2013, củng cố vị trí số 1 thép xây dựng với gần 20% thị phần.

Sản lượng Thép Hòa Phát tăng trưởng cân đối và nhanh chóng ở tất cả các vùng miền. Khu vực miền Nam và miền Trung đều tăng trưởng hơn 100% so với năm 2013. Sản lượng bán hàng tại khu vực miền Nam năm 2013 là 53.500 tấn thì năm 2014 đạt 112.000 tấn. Tại miền Trung, con số này tăng từ 55.000 tấn năm 2013 lên hơn 109.000 tấn trong năm 2014. Sản lượng bán hàng

tại miền Bắc đạt gần 780.000 tấn, tăng 32% so với năm trước. Tập đoàn cũng có những bước tiến mới trong việc tìm kiếm thị trường xuất khẩu, Tập đoàn đã xuất khẩu 60.000 tấn phôi đi Philippines và Thái Lan và trên 6.300 tấn thép cuộn và thép thanh sang thị trường Úc và Lào.

Ghi dấu ấn tượng vào kết quả sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong năm 2014 là mảng sản xuất kinh doanh ống thép với sản lượng tiêu thụ đạt 300.000 tấn ống thép và 63.400 tấn nguyên liệu các loại. Trong năm 2014, Công ty Ống thép đã thực hiện nhiều dự án lớn như: mua và sáp nhập nhà máy sản xuất ống thép Chánh Nguyên - Đà Nẵng, đầu tư 2 dây chuyền mạ dài tại nhà máy Hưng Yên... và nhiều dự



án quan trọng khác. Năm 2014 cũng là một năm xuất khẩu thành công của Công ty Ống thép với trị giá xuất khẩu đạt 13 triệu USD, xuất sang các thị trường lớn như Canada, Mỹ, Myanmar, Lào và một số thị trường khác.

Đối với các ngành sản xuất công nghiệp khác như Nội thất, Thiết bị phụ tùng, Điện lạnh tiếp tục vượt qua khó khăn và đóng góp đáng kể vào thành công chung của Tập đoàn. Với vị thế dẫn đầu thị trường ngành hàng nội thất tại Việt Nam, Nội thất Hoà Phát tiếp tục đóng góp vào thành công chung của Tập đoàn bằng kết quả tăng trưởng ấn tượng về thị phần và doanh thu. Trong năm 2014, với lợi thế về sản phẩm đa dạng, khả năng cung ứng nhanh qua hệ thống phân phối trên khắp các tỉnh thành cả

nước, sản phẩm Nội thất Hoà Phát và thương hiệu Hoà Phát đã tiến xa hơn đến với người tiêu dùng ở vùng cao và các địa bàn xa xôi. Thị trường xuất khẩu của công ty trong năm 2014 sang các nước Trung Đông, khu vực Đông Nam Á rất thuận lợi và đều có sự tăng trưởng tốt, vượt qua được ảnh hưởng của suy thoái kinh tế.

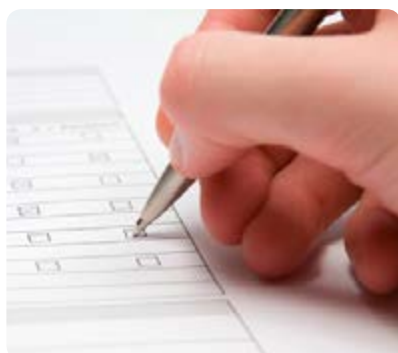
Công ty luôn hoàn thiện đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và hạn chế việc nhập khẩu các sản phẩm nội thất văn phòng, gia đình. Đồng thời tiếp tục mở rộng đầu tư dây chuyền công nghệ và chất xám để sản phẩm ngày càng hoàn hảo hơn, đa dạng hơn và có giá trị sử dụng cao.

Đối với ngành bất động sản, năm 2014 cũng ghi dấu ấn tượng với đóng góp 700 tỷ lợi nhuận từ dự án Khu phức hợp Mandarin Garden. Hiện tại, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục cần thiết để triển khai dự án nhà ở tại Trương Định - Hoàng Mai - Hà Nội đồng thời đẩy mạnh mở rộng, hoàn thiện hạ tầng các Khu công nghiệp.

Kết thúc năm 2014, Tập đoàn Hoà Phát đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đặt ra với doanh thu đạt 25.852 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 3.250 tỷ đồng, tăng lần lượt 35% và 62% so với năm 2013.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã có những nỗ lực vượt bậc và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Tập đoàn có quy mô hoạt động lớn, ngành nghề kinh doanh đa dạng, địa bàn đầu tư rộng khắp, tốc độ đầu tư tăng nhanh, tuy nhiên Ban Giám đốc đã điều hành, chỉ đạo tất cả các khâu các ngành đạt được kết quả năm 2014 ấn tượng, tăng lần lượt 35% doanh thu và 62% lợi nhuận so với kết quả đạt được năm 2013. Các thành viên Ban Giám đốc là những người được đào tạo và trưởng thành, gắn bó cùng với sự phát triển của Công ty, có kinh nghiệm quản lý tốt và sự nỗ lực, nhiệt huyết trong công việc. Tập đoàn Hòa Phát đã đào tạo và xây dựng được thể hệ lãnh đạo thứ hai, trẻ, có năng lực và tận tâm trong công việc, tạo bộ khung vững chắc cho sự phát triển của Tập đoàn hiện tại và tương lai.

Năm 2014, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đã thông qua chương trình thưởng cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên chủ chốt, đối tượng là Ban Giám đốc các công ty, trưởng phó các bộ phận và cấp tương đương. Điều đó đã thể hiện sự ghi nhận của Công ty đối với đóng góp của Ban điều hành và cán bộ công nhân viên chủ chốt của Tập đoàn trong những năm qua, góp phần tăng cường sự gắn kết giữa Công ty và người lao động.

Trong năm 2014, công tác quản trị nội bộ tiếp tục được tăng cường, công việc đánh giá cấp bậc nhân sự, chuẩn hóa các vị trí và chế độ lương thưởng, phụ cấp cho cán bộ công nhân viên tiếp tục được hoàn thiện, hệ thống quy chế nội bộ tiếp tục được hoàn thiện tạo hành lang pháp lý, hành chính cho hoạt động của các Công ty, các bộ phận trong toàn Tập đoàn, góp phần thực hiện tốt việc kiểm soát rủi ro tại các bộ phận, các Công ty.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị đánh giá năm 2015 tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng và trạng thái ổn định kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục được củng cố, kinh tế Việt Nam năm 2015 sẽ chuyển sáng đậm nét và vững chắc hơn năm 2014.

Riêng đối với ngành thép - mảng trụ cột của Tập đoàn Hòa Phát, năm 2015 bên cạnh khó khăn hiện hữu như tình trạng cung nhiều hơn cầu, tồn kho lớn, giá nguyên liệu diễn biến bất thường thì việc Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia thị trường chung của các nước ASEAN cũng sẽ tạo ra những cơ hội cũng như thách thức cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.

Tuy nhiên, thực tế diễn biến của thị trường có nhiều tín hiệu lạc quan, tác động của một số chính sách trong nước hỗ trợ cho ngành Bất động sản được đưa ra hứa hẹn sẽ góp phần đẩy mạnh hoạt động xây dựng năm 2015. Việc đầu tư lò cao số 3 đã nâng tổng công suất của toàn Khu liên hợp thép Hòa Phát lên 1,7 triệu tấn/năm, của toàn Tập đoàn là 2 triệu tấn thép/năm khẳng định năng lực của Tập đoàn hoàn toàn cạnh tranh được thị trường trong nước và hướng tới thị trường xuất khẩu. Hội đồng Quản trị đánh giá Tập đoàn sẽ tiếp tục đà tăng trưởng trong lĩnh vực cốt lõi là sản xuất và kinh doanh thép trong năm 2015.

Năm 2015, bên cạnh việc củng cố vững chắc những kết quả đã đạt được, Hội đồng quản trị định hướng như sau:

- Tiếp tục chỉ đạo sát sao Ban điều hành kiện toàn tổ chức, kiểm soát rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, theo dõi diễn biến thị trường, chỉ đạo sản xuất kinh doanh ... để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Chỉ đạo, tập trung nguồn lực hoàn thành Giai đoạn 3 của Khu liên hợp gang thép Hòa Phát để dự án sớm đi vào sản xuất.
- Chỉ đạo xây dựng chính sách đãi ngộ với cán bộ nhân viên nhằm thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực lành nghề và có chuyên môn cao, tăng cường công tác tuân thủ nội bộ, quản lý rủi ro trong sản xuất kinh doanh và tăng cường minh bạch hóa hoạt động.

- Thực hiện các dự án mới tiềm năng nhằm tận dụng nguồn nhân lực, kinh nghiệm và tiềm lực tài chính vững chắc của Tập đoàn, đặc biệt là phát triển ngành hàng sản xuất thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi. Việc triển khai thực hiện ngành hàng mới có nhiều khó khăn, thách thức nhưng cũng tạo ra nhiều cơ hội. Hội đồng Quản trị sẽ sát sao chỉ đạo Ban dự án để thực hiện, góp phần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong tương lai.
- Tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến thị trường thế giới và trong nước, từ đó đưa ra những nhận định đúng đắn, chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh với mục tiêu an toàn, hiệu quả.



Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hòa Phát hay bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải đối mặt với những rủi ro nhất định bởi nhiều yếu tố như chính sách vĩ mô, nhân sự, thị trường, biến động tỷ giá, công nghệ,... Do vậy, việc lường trước những rủi ro này nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực của chúng đến hoạt động của doanh nghiệp là điều Hòa Phát luôn quan tâm hàng đầu.

Rủi ro từ các yếu tố kinh tế vĩ mô



- Mô tả chung: Năm 2014, kinh tế vĩ mô có nhiều chuyển biến tích cực, lạm phát ở mức thấp, tỷ giá ổn định, lãi suất ngân hàng giảm và duy trì ở mức khá thấp, Tuy nhiên, sự phục hồi của nền kinh tế vẫn còn chậm, sức cầu yếu. Đối với ngành thép, cầu tiêu thụ nội địa vẫn ở mức thấp, lại phải đối mặt với sự cạnh tranh của hàng nhập lậu giá rẻ.

- Giải pháp của Hòa Phát: Đẩy mạnh phát huy nội lực, áp dụng các chính sách quản trị vừa linh hoạt vừa chặt

chẽ cho từng ngành hàng nhằm đạt được mục tiêu đề ra, không ngừng nâng cao tính cạnh tranh cho sản phẩm.

- Kết quả: Sản phẩm của Hòa Phát luôn có tính cạnh tranh cao, đặc biệt thép xây dựng lần đầu tiên cán mốc 1 triệu tấn trong năm 2014. Năm qua, doanh thu toàn Tập đoàn lần đầu tiên đạt trên 1 tỷ đô la Mỹ. Lợi nhuận sau thuế cao nhất từ trước tới nay với 3.250 tỷ đồng, tăng 62% so với năm 2013.

Rủi ro về chính sách



- Mô tả chung: Tập đoàn Hòa Phát với 14 công ty thành viên hoạt động đa ngành nghề như thép xây dựng, ống thép, nội thất, bất động sản... Doanh nghiệp hoạt động theo chính sách và pháp luật hiện hành, trong khi đó Chính phủ và các bộ ngành thường xuyên có những thay đổi, điều chỉnh chính sách.

- Giải pháp của Hòa Phát: Bộ phận Pháp chế của Hòa Phát cũng như các công ty thành viên cập nhật thường xuyên các chính sách có liên quan để

chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động công ty. Tập trung đầu tư chuyên sâu vào các lĩnh vực thế mạnh, hạn chế tối đa tác động trái chiều.

- Kết quả: Hòa Phát chủ động mọi mặt hoạt động kinh doanh và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong các lĩnh vực mà Tập đoàn tham gia kinh doanh. Cả ba lĩnh vực sản xuất chính là sản xuất thép, sản xuất công nghiệp khác và bất động sản đều tăng trưởng ổn định và là thương hiệu lớn trong ngành hàng.

Rủi ro đến từ nhân sự



- **Mô tả chung:** Toàn Tập đoàn có hơn 10.000 lao động trực tiếp trên mọi vùng miền đất nước, chủ yếu là lao động trẻ, do vậy vấn đề biến động nhân sự luôn phải đối mặt, giải quyết.

Dù địa bàn hoạt động rộng nhưng hoạt động tuyển dụng không phải lúc nào cũng dễ dàng.

- **Giải pháp của Hòa Phát:** Luôn chú trọng công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động, các chính sách cho người lao động được thực hiện đầy đủ, khuyến khích sự sáng

tạo và phù hợp với đặc thù từng lĩnh vực. Bên cạnh đó, Hòa Phát triển khai chuẩn hóa hệ thống cấp bậc nhân sự trên quy mô toàn Tập đoàn.

- **Kết quả:** Tập đoàn kiểm soát tốt nhân sự, ít để xảy ra tình trạng thiếu hay thừa lao động. Chất lượng lao động của Hòa Phát từ cấp quản lý tới lao động trực tiếp không ngừng được nâng cao qua mỗi năm, đáp ứng được yêu cầu phát triển và định hướng dài hạn của Tập đoàn.

Rủi ro từ các yếu tố môi trường



- **Mô tả chung:** Ngành sản xuất công nghiệp đặc biệt là công nghiệp nặng luôn tiềm ẩn những yếu tố gây tác động đến môi trường sống.

- **Giải pháp của Hòa Phát:** Hòa Phát luôn tuân thủ các chính sách, quy định về môi trường, lựa chọn công nghệ tiên tiến đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu tác động đến môi trường.

- **Kết quả:** Các Nhà máy của Hòa Phát đều có đầy đủ báo cáo đánh giá tác động đến môi trường, nhiều công nghệ Hòa Phát áp dụng được coi là công nghệ sạch và thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng ở mức tối đa.

Rủi ro từ yếu tố công nghệ



- **Mô tả chung:** Với đặc thù sản xuất công nghiệp nặng, đặc biệt là thép, yếu tố công nghệ luôn được Hòa Phát đặt lên hàng đầu trong quản trị sản xuất để giảm giá thành, nâng tính cạnh tranh của sản phẩm. Tuy nhiên, do phần lớn dây chuyền công nghệ phải nhập khẩu từ nhiều nước khác nhau nên việc cập nhật máy móc, linh kiện thiết bị để thay thế phụ thuộc vào nước ngoài, có thể phát sinh chi phí.

- **Giải pháp của Hòa Phát:** Nghiên cứu kỹ công nghệ và các yếu tố phát sinh trước khi đầu tư dự án mới để

hạn chế phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài; ưu tiên ứng dụng các công nghệ tiên tiến của thế giới trong ngành hàng đang hoạt động ngay từ đầu, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng và chủ động cải tiến phù hợp với thực tế sản xuất của Tập đoàn.

- **Kết quả:** Các Nhà máy của Hòa Phát hiện đều áp dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay, đồng thời việc không ngừng cải tiến dây chuyền thiết bị đã giúp Hòa Phát không phụ thuộc quá nhiều vào thiết bị nhập khẩu, giảm thiểu chi phí giá thành sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.



IV

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại ngày 26/02/2015 (%)
1	Nguyễn Thị Thanh Vân	Trưởng BKS	0.005
2	Đặng Phạm Minh Loan	Thành viên BKS	-
3	Trương Nữ Minh Ngọc	Thành viên BKS	-
4	Lê Tuấn Anh	Thành viên BKS	0.003
5	Vũ Thanh Thủy	Thành viên BKS	-
	Tổng		0.008



Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Ông Lê Tuấn Anh

Bà Đặng Phạm Minh Loan

Bà Vũ Thanh Thủy

Bà Trương Nữ Minh Ngọc

Trưởng Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân chuyên ngành
kế toán, Học viện Tài
chính kế toán Hà Nội

Cử nhân kinh tế,
Kế toán viên cấp nhà
nước(Việt Nam)

Cử nhân kinh tế chuyên
ngành kế toán kiểm toán, Kế
toán viên công chứng Anh
Quốc (ACCA, UK); Kiểm toán
viên cấp nhà nước (CPA Việt
Nam)

Cử nhân kinh tế

Thạc sỹ quản trị kinh
doanh

Ngày vào Công ty:
Năm 2007

Trước khi đảm nhiệm vị
trí Trưởng Ban kiểm soát,
Bà Nguyễn Thị Thanh
Vân đã từng làm Trưởng
phòng Kế toán, công ty
CP Tập đoàn Hòa Phát
(2007 – 2010). Từ năm
2011 đến nay, Bà giữ
chức vụ Kế toán trưởng
Công ty TNHH MTV Thép
Hòa Phát

Ngày vào công ty:
Năm 2006

Trước khi giữ vai trò
Thành viên Ban Kiểm
soát, ông Lê Tuấn Anh
từng làm việc tại Phòng
kế toán Công ty TNHH
Ống thép Hòa Phát (2006
– 2007), chuyên viên Ban
Kiểm soát (2007 – 2011)
và hiện đang giữ
chức vụ Trưởng Ban Kiểm
soát nội bộ - Công ty CP
Tập đoàn Hòa Phát.

Ngày vào Công ty:
Năm 2007

Bà Đặng Phạm Minh Loan giữ
nhiều vị trí quan trọng trong
các tổ chức tài chính lớn như:
Kiểm toán viên, phó phòng
kiểm toán Công ty kiểm toán
Quốc tế KPMG (2000-2005);
Thành viên Ban Kiểm soát;
Chuyên viên cao cấp, Trưởng
phòng đầu tư Văn phòng
đại diện công ty VinaCapital
investment management
Ltd. Từ 7/2010 bà là Phó
giám đốc điều hành công ty
VinaCapital.

Ngày vào Công ty:
Năm 2005

Trước khi giữ vị trí thành
viên Ban kiểm soát, Bà
Vũ Thanh Thủy đã có
kinh nghiệm làm việc tại
các vị trí như: nhân viên
phòng kế toán, Công ty
Cổ phần thép Hòa Phát
(2005-2006);Chuyên viên
Ban Tài chính Công ty CP
Tập đoàn Hòa Phát (2007
đến nay).

Ngày vào công ty:
Năm 2011

Bà Trương Nữ Minh Ngọc
giữ nhiều vị trí quan trọng
trong các tổ chức tài chính
lớn như: Kiểm toán cao cấp
của Pricewaterhouse
Coopers (9/2000 – 2/2005);
Chuyên viên tài chính
tại VinaCapital (2/2005 –
7/2005);Trưởng phòng đầu
tư tại Bank Invest (2007 –
2012); Trưởng phòng đầu
tư tại PENM Partners (2012
- nay).

Tiếp tục thực hiện chức năng nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, trong năm Ban kiểm soát (BKS) đã thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 của các công ty thành viên trong Tập đoàn;
- Cập nhật, xem xét tiến độ thực hiện các dự án trong đó có Dự án thép giai đoạn 3; Dự án xây dựng tổng kho thép tại Bình Dương;
- Xem xét các yếu tố có ảnh hưởng đến hoạt động SXKD như tình hình hàng tồn kho, công nợ phải thu, chính sách bán hàng, tình hình thu tiền...
- Cập nhật kế hoạch làm việc của kiểm soát nội bộ, xem xét các báo cáo kiểm soát nội bộ chi tiết từng công ty con trong Tập đoàn. Kết hợp với kiểm soát nội bộ làm việc tại các công ty con trong Tập đoàn;
- Xem xét báo cáo tài chính hợp nhất hàng quý, năm trước khi gửi Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM; đặc biệt là đợt soát xét báo cáo tài chính 6 tháng

- và kiểm toán báo cáo tài chính năm;
- Xem xét kế hoạch tài chính và việc thực hiện kế hoạch tài chính tại từng Công ty và toàn Tập đoàn;
- Xem xét việc thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ Công ty và các văn bản của Ban lãnh đạo Tập đoàn, báo cáo công tác điều hành của lãnh đạo Tập đoàn;
- Kiểm soát việc thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2014;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đề xuất ý kiến nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động của Tập đoàn như việc lập kế hoạch tài chính, kế hoạch ngân sách, chiến lược định hướng trong sản xuất kinh doanh, phát triển thương hiệu, thị trường; kế hoạch quản lý, phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn.

Trong năm 2014, BKS đã họp 2 lần với sự tham dự đầy đủ của các thành viên, tại cuộc họp các thành viên đã thảo luận các vấn đề quan trọng trong định hướng phát triển chung của Tập đoàn

và trong từng mảng hoạt động kinh doanh.

Ban kiểm soát đánh giá cao kết quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của công ty, chiến lược định hướng phát triển của Tập đoàn đang đi đúng hướng và phát huy tốt hiệu quả, tình hình tài chính của công ty minh bạch, lành mạnh.

Các thành viên BKS cũng thường xuyên liên hệ, trao đổi với các thành viên HĐQT, lãnh đạo công ty, các bộ phận chức năng, nắm bắt kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến với các quyết định điều hành nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2014 BKS không có sự thay đổi thành viên.

Về chế độ thù lao cho thành viên BKS : 20 triệu đồng/người/năm.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2014

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm	Ghi chú
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %		
1	Tạ Tuấn Quang	Thành viên HĐQT	912.621	0,19	662.621	0,14	Bán	
2	Vietnam Infrastructure Holding Limited	Công ty có liên quan tới Andy Ho - Thành viên HĐQT	1.806.533	0,43	3.333.565	0,80	Mua	Thay đổi cổ phiếu theo báo cáo từ ngày 21/01/2014 đến 24/07/2014
3	VOF Investment Limited	Công ty có liên quan Andy Ho - Thành viên HĐQT	19.760.746	4,72	25.769.459	5,50	Mua	Theo báo cáo của VOF từ 21/01/2014 đến 24/07/2014
4	Private Equity New Markets II K/S	Công ty có liên quan tới Hans Christian Jacobsen - Thành viên HĐQT	20.291.040	4,84	14.570.483	3,02	Bán	Theo báo cáo từ 26/06/2014 đến 10/12/2014

Từ ngày tái cơ cấu theo mô hình Tập đoàn, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên ngày một nâng cao vì vậy những sai sót về mặt chuyên môn đã được hạn chế nhiều. Trong năm 2014 Ban kiểm soát nội bộ tập trung làm việc theo chuyên đề, đánh giá khả năng xảy ra các sai sót, rủi ro về gian lận:

- Hạn chế những gian lận trong quá trình tuyển dụng nhân sự, tập trung Kiểm soát quy trình tuyển dụng nhân sự, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách với người lao động. Đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật lao động cũng như các quy định của Tập đoàn;
- Kiểm soát quá trình mua sắm vật tư, đặc biệt là kiểm soát giá mua những vật tư lẻ, vật tư đặc thù. Yêu cầu các công

ty tối đa sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt;

- Kiểm soát các khoản công nợ phải thu trong thời điểm kinh tế khó khăn, hạn chế thấp nhất các khoản nợ xấu;
- Rà soát ưu đãi thuế của các công ty trong tập đoàn.

Ban kiểm soát nội bộ đồng thời phối hợp với các công ty, phòng ban triển khai thực hiện một số hoạt động nâng cao vai trò quy trình kiểm soát nội bộ tại các đơn vị:

- Phối hợp các Ban hoàn thiện các quy định, quy trình nội bộ để đưa vào áp dụng trong năm 2015;
- Phối hợp với các công ty thực hiện một số giải pháp đánh giá nhà cung cấp, kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn chứng từ trong quá trình mua vật tư.

Theo đánh giá của Ban kiểm soát nội bộ, hoạt động chung của các công ty thành viên trong năm 2014 đạt được những kết quả đáng kể: các khoản công nợ phải thu đã được kiểm soát tốt, không phát sinh các khoản nợ khó đòi tại các đơn vị; việc sử dụng tiền mặt trong các giao dịch cũng được duy trì ở mức thấp; kết quả các cuộc thanh kiểm tra của các Cơ quan Nhà nước đều ghi nhận kết quả tốt, không có nhiều sai phạm; nguồn cung nguyên vật liệu, vật tư luôn được đảm bảo và được mua với giá tốt trên thị trường...





PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG



ĐẢM BẢO TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) của HPG trong năm 2014 có nhiều kết quả quan trọng, góp phần giảm chi phí, cải thiện năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm của cả ba mảng chiến lược, trong đó nhiều nhất thuộc về lĩnh vực sản xuất thép.

Cải tạo nâng cấp lò cao số 1 Khu liên hợp gang thép

Hoạt động đại tu và nâng cấp khu vực lò cao số 1 của Khu liên hợp gang thép Hòa Phát đã hoàn thành trong quý III năm 2014 sau 3 tháng triển khai. Công suất lò được nâng từ 350.000 tấn lên tối đa 450.000 tấn/năm, tăng hơn 20% công suất so với trước đây. Ông Hồ Đức Thọ - Phó giám đốc Công ty CP Thép Hòa Phát cho biết, việc đại tu lò cao 1 bao gồm các hạng mục như cải tạo hệ thống cấp liệu, hệ thống nước làm mát, lò gió nóng, hệ thống lọc bụi, đại tu lòng lò luyện gang... Tổng chi phí của đợt đại tu, nâng cấp thiết bị lò cao 1 khoảng 200 tỷ đồng.

Bằng nhiều biện pháp khác nhau trong phối hợp với các nhà thầu, huy động tối đa nhân lực và vật tư, Hòa Phát đã hoàn thành công trình sớm hơn 30 ngày so với kế hoạch ban đầu, đẩy mạnh sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về thép xây dựng dịp cuối năm. Theo Lãnh đạo Công ty CP Thép Hòa Phát, sau đại tu lò cao 1 hoạt động ổn định hơn, tăng sản lượng thép, giảm tiêu hao năng lượng đồng thời bảo vệ môi trường tốt hơn, đây là kết quả của hàng loạt sáng kiến cải tiến hệ thống phụ trợ nói trên.



Cải tiến dây chuyền công nghệ tuyển quặng sắt

Nhà máy sản xuất quặng vôi viên Bình Vàng (huyện Vị Xuyên, Hà Giang) đã tiến hành nhiều cải tiến mang tính đột phá. Sau hơn một năm đi vào hoạt động, Nhà máy đã từng bước ổn định sản xuất, cải tiến kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giảm chi phí sản xuất.

Tại Nhà máy chế biến tinh quặng sắt Minh Sơn, do tính chất quặng thay đổi nhiều so với các năm trước, hàm lượng quặng thấp hơn, quặng khó nghiền tuyển hơn nhưng để bảo đảm và vượt năng suất đề ra, Nhà máy đã tiến hành nhiều cải tiến như cải tạo lại đường dẫn công nghệ giúp đảm bảo năng suất, chất lượng tinh quặng theo yêu cầu. Bên cạnh đó, Nhà máy còn tính toán lắp đặt hệ thống bơm nước tuần hoàn; nghiên cứu, lắp đặt bể cô đặc quặng trước khi vào nghiền, tăng nồng độ bùn quặng vào máy nghiền nhằm tăng hiệu quả nghiền,...



Ống thép Hòa Phát đầu tư mạnh mở rộng sản xuất

Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát triển khai hàng loạt các dự án nghiên cứu, phát triển nhằm nâng công suất các nhà máy và củng cố vị thế hàng đầu ngành hàng ống thép tại Việt Nam. Trong đó, việc đầu tư nhà máy sản xuất ống thép và ra mắt Công ty TNHH ống thép Hòa Phát Đà Nẵng quý II/2014 là bước ngoặt mới trong chiến lược mở rộng chiếm lĩnh thị phần khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

Hiện tại, nhà máy này có công suất là 36.000 tấn/năm với sản phẩm chủ yếu là ống thép đen hàn và ống tôn mạ kẽm. Dự kiến trong năm 2015-2016, Công ty sẽ tiếp tục triển khai giai đoạn II và đưa vào sản xuất nguyên liệu tôn mạ kẽm công suất 60.000 tấn/năm, đồng thời nâng công suất sản xuất ống thép các loại tại Đà Nẵng lên khoảng 80.000 tấn/năm.

Đối với nhà máy ống thép Hòa Phát tại Hưng Yên, Công ty đầu tư thêm 6 dây chuyền uốn ống nhằm đưa sản lượng ống thép tại nhà máy này lên 250.000 tấn/năm. Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư dây chuyền tẩy gỉ số 3 cho Nhà máy thép cán nguội tại Hưng Yên để nâng tổng công suất nhà máy cán nguội lên 250.000 tấn từ tháng 4/2015. Đồng thời tại Bình Dương, Ống thép Hòa Phát cũng đầu tư thêm 4 dây chuyền uốn ống để mở rộng sản xuất. Theo lãnh đạo Công ty, sau khi hoàn thành các hạng mục đầu tư mở rộng sản xuất kể trên, Ống thép Hòa Phát sẽ đạt tổng công suất khoảng 400.000 tấn sản phẩm các loại.

Không chỉ tích cực mở rộng sản xuất, Ống thép Hòa Phát còn thường xuyên nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, cập nhật ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tiêu hao nhiên liệu trong các công đoạn sản xuất. Điển hình như cải tiến lò ủ của dây chuyền mạ dải, chuyển đổi việc gia nhiệt cho lò ủ từ đốt bằng gas sang điện, giảm tiêu hao cho quá trình ủ khoảng 20% chi phí nhiên liệu; chuyển đổi nhiên liệu đốt cho bể kẽm mạ ống từ đốt dầu DO sang đốt bằng khí than tiết kiệm khoảng 30%; nâng cấp toàn bộ các máy cưa ống không via tại tất cả các nhà máy sản xuất ống thép Hòa Phát.



Phát triển sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường

Sau nhiều năm vận hành, Nhà máy phôi thép của Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát tại Hưng Yên đã hết khấu hao, dây chuyền sản xuất khó đáp ứng được yêu cầu phát triển hiện tại. Do đó, Công ty đã đầu tư khoảng trên 200 tỷ đồng nhằm nghiên cứu mở rộng 4.300 m² nhà xưởng, hoán đổi và lắp đặt mới các lò luyện thép với công nghệ có mức chi phí sản xuất tối ưu hơn và nâng công suất nấu luyện thép lên 40% so với trước đây.

Cũng tại Nhà máy này, Hòa Phát đầu tư thêm máy cắt băm thép phế liệu thủy lực, hệ thống cầu trục phục vụ công tác chế biến, phân loại và chuẩn bị phế liệu cho lò luyện; cải tạo và lắp đặt thêm dòng đúc thứ 3, nâng công suất máy đúc lên trên 30% công suất. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát còn cải tạo và lắp đặt thêm hệ thống thu gom lọc bụi công suất 300.000 m³/h để môi trường sản xuất trong sạch hơn, đảm bảo thỏa mãn các yêu cầu của luật bảo vệ môi trường của Chính phủ mới ban hành.

Việc triển khai lò luyện phôi thép trung tần công nghệ mới có hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với lò hồ quang (giá thành sản xuất thấp hơn khoảng 500.000 -700.000 đồng/tấn phôi thành phẩm), tiêu hao phế liệu thấp hơn, tiếng ồn, nồng độ bụi cũng thấp hơn rất nhiều, tỷ lệ thu hồi thành phẩm cao. Đặc biệt, công nghệ này không dùng than, vôi trong nấu luyện thép nên xỉ lò ít hơn gấp nhiều lần, góp phần hạn chế chất thải công nghiệp. Mặt khác, toàn bộ bụi, khí thải đều được gom vào các túi lọc để xử lý sạch sẽ, không thải ra môi trường xung quanh, khắc phục triệt để khói bụi xung quanh nhà máy.



Điện lạnh Hòa Phát đầu tư nâng cấp công nghệ sản xuất tủ cấp đông

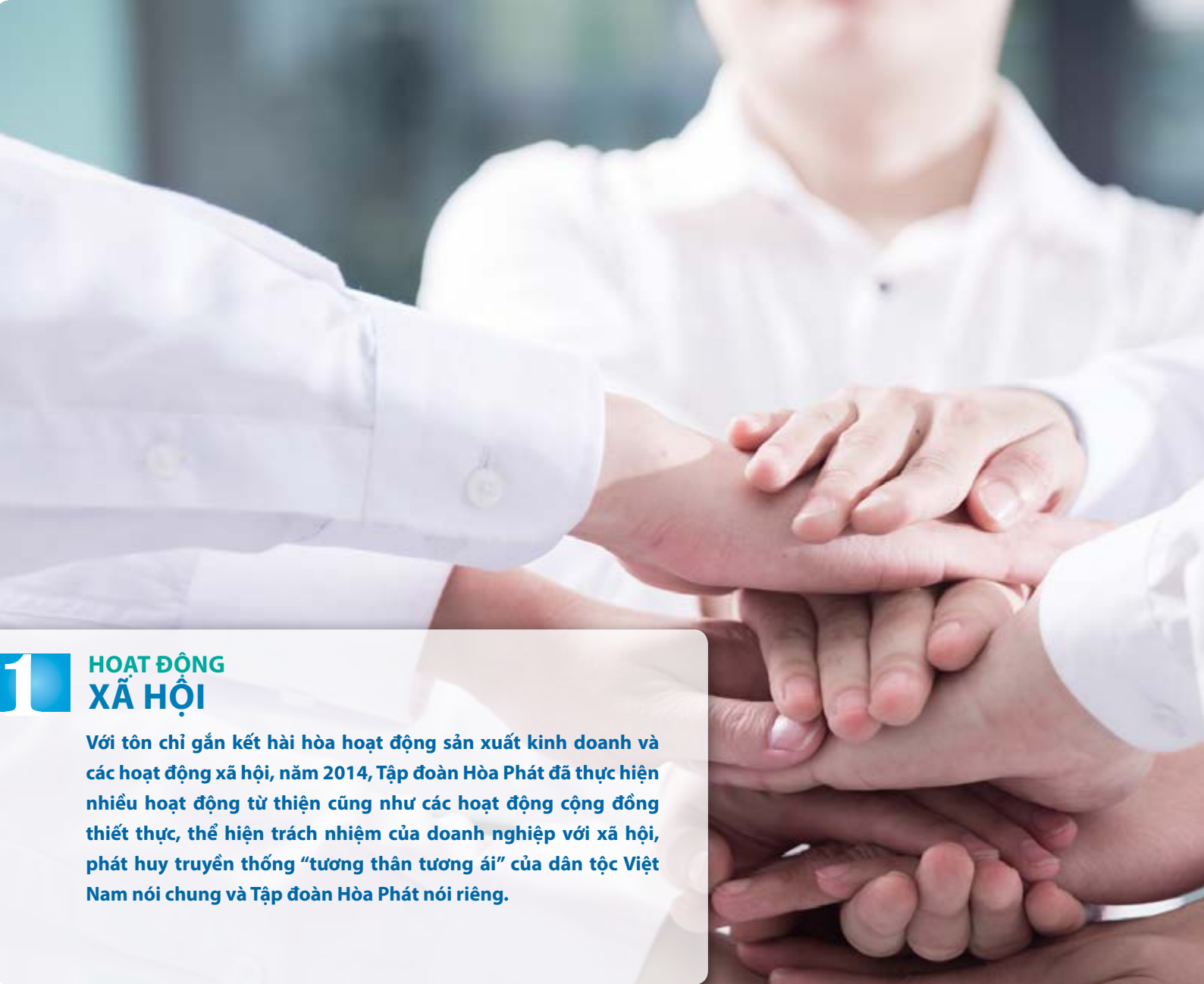
Trên mặt bằng Nhà máy được xây dựng từ năm 2011, Công ty Điện lạnh Hòa Phát đã đầu tư thêm 200 tỷ đồng để mở rộng nhà xưởng, nâng công suất lên tới 300.000 sản phẩm tủ cấp đông/năm từ cuối tháng 3/2014, đồng thời nâng cấp các dây chuyền và lắp đặt thêm nhiều thiết bị hiện đại khác. Toàn bộ thiết bị sản xuất được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nổi tiếng châu Âu nhằm tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng cao nhất đến tay người tiêu dùng.

Đặc biệt, nhờ sự đầu tư bài bản, Công ty Điện lạnh Hòa Phát vinh dự là công ty duy nhất tại Việt Nam được Ngân hàng Thế giới (WorldBank) lựa chọn tài trợ trong chương trình loại trừ các chất HCFC, một loại hóa chất thường được sử dụng trong công nghệ làm lạnh nhằm giảm thiểu tác nhân gây hại cho tầng ôzôn, góp phần bảo vệ môi trường và người sử dụng.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công thương về Nhãn tiết kiệm năng lượng, Công ty Điện lạnh Hòa Phát đã tiến hành rà soát theo các quy định của Bộ và hầu hết các sản phẩm của Công ty như điều hòa, tủ lạnh... đều được cấp giấy chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn ở mức nhãn

3 đến 5 sao - Nhãn có hiệu suất tiêu thụ điện năng thấp nhất mà vẫn đảm bảo hiệu suất làm việc tốt nhất, nhằm cung cấp cho người tiêu dùng biết các thông tin về hiệu suất năng lượng của phương tiện, thiết bị này so với các phương tiện, thiết bị cùng loại khác trên thị trường, giúp người tiêu dùng lựa chọn được phương tiện, thiết bị có mức tiêu thụ năng lượng tiết kiệm hơn.





HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Với tôn chỉ gắn kết hài hòa hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động xã hội, năm 2014, Tập đoàn Hòa Phát đã thực hiện nhiều hoạt động từ thiện cũng như các hoạt động cộng đồng thiết thực, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội, phát huy truyền thống “tương thân tương ái” của dân tộc Việt Nam nói chung và Tập đoàn Hòa Phát nói riêng.

XUÂN YÊU THƯƠNG

Có thể nói đây là một trong những hoạt động thường niên được Tập đoàn Hòa Phát thực hiện ngay trước thềm năm mới, nhằm mang lại cho bà con một cái tết ấm áp đúng nghĩa. Trong năm 2014, 800 phần quà gồm gạo, muối, dầu ăn, bánh kẹo... đã được trao tặng tới các hộ nghèo tại các tỉnh Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Hải Dương, Hà Tĩnh... Cùng với đó, hoạt động tặng quà tết cho học sinh nghèo vượt khó cũng

được Hòa Phát triển khai thực hiện tại hai tỉnh Hà Giang và Lào Cai với gần 700 em học sinh. Mỗi phần quà gồm áo khoác ấm, ủng, bánh kẹo, sách vở... tuy giá trị vật chất không lớn, nhưng Tập đoàn Hòa Phát hi vọng đó sẽ là sự động viên lớn về tinh thần, tạo động lực cho các em học sinh phấn đấu trong học tập, sau này trở thành những công dân có ích cho xã hội.





ĐỒNG HÀNH VỚI THỂ THAO

Song song với các hoạt động từ thiện xã hội trên, năm qua, Tập đoàn Hòa Phát tham gia tài trợ, đầu tư cho đội bóng chuyền nữ mang tên Hòa Phát Hưng Yên. Nhờ sự đầu tư đúng đắn và bài bản, đội tuyển bóng chuyền nữ Hòa Phát Hưng Yên đã giành ngôi vô địch tại giải bóng chuyền hạng A toàn quốc năm 2014. Hòa Phát Hưng Yên cũng là đội bóng có thành tích toàn thắng trong các trận đấu của vòng chung kết để đạt hạng nhất một cách thuyết phục và trở thành đối thủ “đáng gờm” tại giải bóng chuyền Vô địch Quốc gia sang năm.



CHUNG TAY VÌ CỘNG ĐỒNG

Năm 2014, Hòa Phát triển khai mạnh mẽ các hoạt động xã hội, nhằm đem lại những lợi ích tốt đẹp cho cộng đồng. Một trong những hoạt động được Tập đoàn Hòa Phát đặc biệt chú trọng, đó là bữa cơm miễn phí cho bệnh nhân nghèo đang điều trị tại Viện Ung bướu Trung ương (Viện K). 150 suất ăn đầy đủ chất dinh dưỡng mỗi ngày nhằm chia sẻ những khó khăn cũng như xoa dịu phần nào nỗi đau mà bệnh nhân nghèo đang phải gánh chịu. Đây là một trong những hoạt động thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách” mà Tập đoàn Hòa Phát đã thực hiện từ năm 2010 cho tới nay và sẽ còn tiếp tục duy trì trong những năm tiếp theo.

Hoạt động tài trợ của Hòa Phát cho huyện nghèo Hoàng Su Phì – tỉnh Hà Giang theo chương trình 30A của Chính phủ vẫn được triển khai đều đặn hàng năm, đầu tư từng bước, từng giai đoạn. Hòa Phát xác định phát triển kinh tế phải gắn liền với sự ổn định dân cư vùng biên. Số tiền tài trợ của Hòa Phát phục vụ việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi, tài trợ cơ sở vật chất cho các trường học, cơ sở y tế.... nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giúp bà con yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế, từng bước xóa đói giảm nghèo.

Bên cạnh đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì, Hòa Phát cũng chú trọng đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi tại các địa bàn có đặt nhà máy sản xuất của công ty. Nếu như năm 2013, tại Kinh Môn – Hải Dương (nơi có Khu liên hợp gang – thép Hòa Phát hoạt động), Hòa Phát đầu tư xây dựng trường mẫu giáo đạt tiêu chuẩn, thì trong năm 2014, Hòa Phát tiếp tục thực hiện công trình nhà chờ bệnh viện đa khoa huyện Kinh Môn, với tổng giá trị đầu tư lên tới 800 triệu đồng. Công trình hiện nay đã đi vào sử dụng, phục vụ người dân đến thăm khám.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT VÀ CÁC CÔNG TY CON



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2014 được đăng tải trên web: hoaphat.com.vn

MỤC LỤC

Báo cáo của Ban Giám đốc	70
Báo cáo kiểm toán viên độc lập	73
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	75
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	78
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	79
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	81

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Andy Ho	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 4 tháng 3 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 1 cho báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3.144.253 triệu VND (2013: 1.954.188 triệu VND).

Ngày 2 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án chi tiết trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 15% trên mệnh giá với số tiền 628.579 triệu VND và 15% bằng cổ phiếu tương đương với 628.556 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 28 tháng 3 năm 2014 và đã được trả trong năm.

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm kế toán

Ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 41, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-034-2014-a



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		11.745.859.365.753	12.402.515.338.144
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.026.280.467.705	2.125.322.390.697
Tiền	111		491.949.294.021	282.763.115.669
Các khoản tương đương tiền	112		1.534.331.173.684	1.842.559.275.028
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	14	506.641.791.271	387.793.671.402
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	1.719.569.645.827	1.629.428.547.084
Phải thu khách hàng	131		1.247.341.501.375	1.258.518.278.675
Trả trước cho người bán	132		457.068.881.547	350.774.484.077
Phải thu khác	135		55.961.139.232	34.778.986.769
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(40.801.876.327)	(14.643.202.437)
Hàng tồn kho	140	8	7.386.389.048.165	8.029.575.289.191
Hàng tồn kho	141		7.601.110.304.518	8.064.854.889.451
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(214.721.256.353)	(35.279.600.260)
Tài sản ngắn hạn khác	150		106.978.412.785	230.395.439.770
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.020.994.351	42.122.793.350
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		80.592.280.678	127.795.589.569
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	154	9	12.902.824.268	34.144.629.790
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.462.313.488	26.332.427.061

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		10.343.245.032.050	10.673.862.524.545
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	-	449.759.238.679
Phải thu khác	218		-	449.759.238.679
Tài sản cố định	220		9.158.124.616.833	9.187.130.524.312
Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.548.486.917.773	8.864.496.339.790
<i>Nguyên giá</i>	222		12.431.106.424.851	11.747.912.985.324
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.882.619.507.078)	(2.883.416.645.534)
Tài sản cố định vô hình	227	11	180.165.542.072	189.063.615.103
<i>Nguyên giá</i>	228		210.636.148.429	215.917.099.640
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(30.470.606.357)	(26.853.484.537)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	429.472.156.988	133.570.569.419
Bất động sản đầu tư	240	13	197.343.763.931	62.002.294.764
<i>Nguyên giá</i>	241		232.446.624.627	88.066.912.353
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(35.102.860.696)	(26.064.617.589)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	61.184.828.523	21.255.298.806
Đầu tư vào công ty liên kết	252		3.997.137.449	5.553.170.441
Đầu tư dài hạn khác	258		57.187.691.074	15.702.128.365
Tài sản dài hạn khác	260		544.509.740.276	380.858.246.946
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	483.218.729.903	326.428.533.088
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	52.065.448.874	54.344.805.858
Tài sản dài hạn khác	268		9.225.561.499	84.908.000
Lợi thế thương mại	269	17	382.082.082.487	572.856.921.038
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.089.104.397.803	23.076.377.862.689

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.123.764.654.194	13.489.417.843.130
Nợ ngắn hạn	310		9.016.779.622.246	11.142.521.402.951
Vay ngắn hạn	311	18	5.736.983.436.809	5.743.559.817.748
Phải trả người bán	312		1.927.830.990.815	2.313.957.097.164
Người mua trả tiền trước	313		158.911.796.301	79.676.433.981
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	19	463.700.814.724	387.853.096.459
Phải trả người lao động	315		158.701.054.509	122.128.725.001
Chi phí phải trả	316	20	204.745.212.904	345.447.630.212
Phải trả khác	319	21	134.165.173.120	2.045.822.283.922
Dự phòng chi phí bảo hành	320	22	17.171.173.699	13.212.673.156
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	23	214.569.969.365	90.863.645.308
Nợ dài hạn	330		1.106.985.031.948	2.346.896.440.179
Phải trả khác	333	21	96.068.705.964	514.930.691.650
Vay dài hạn	334	24	1.010.863.752.151	1.831.823.606.336
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		52.573.833	142.142.193
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.795.984.026.356	9.500.327.254.417
Vốn chủ sở hữu	410	25	11.795.984.026.356	9.500.327.254.417
Vốn cổ phần	411	26	4.819.081.750.000	4.190.525.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	2.207.350.817.068	2.207.350.817.068
Quỹ dự phòng tài chính	418	25, 28	674.783.632.921	459.080.197.478
Lợi nhuận chưa phân phối	420	25	4.094.767.826.367	2.643.370.909.871
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		169.355.717.253	86.632.765.142
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		22.089.104.397.803	23.076.377.862.689

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ (USD)	10.003.226	1.309.800
Nhận ủy thác đầu tư (VND)	448.979.590.000	-
Thực hiện đầu tư theo ủy thác (VND)	448.979.590.000	-

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

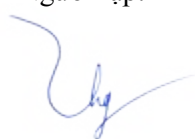
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	29	25.851.816.458.125	19.200.234.178.082
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	326.467.635.412	265.942.027.551
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	29	25.525.348.822.713	18.934.292.150.531
Giá vốn hàng bán	11	30	20.338.346.539.679	15.650.540.636.204
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.187.002.283.034	3.283.751.514.327
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	160.287.779.327	276.278.618.993
Chi phí tài chính	22	32	563.834.231.079	528.408.903.958
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		350.628.944.467	370.947.849.826
Chi phí bán hàng	24		366.087.885.891	253.653.065.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		607.214.249.307	416.174.707.153
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		3.810.153.696.084	2.361.793.457.152
Thu nhập khác	31	33	275.600.324.411	199.104.247.497
Chi phí khác	32	34	316.062.036.756	166.237.311.403
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(40.461.712.345)	32.866.936.094
Phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn cần chia sẻ	45	14	(171.255.307)	(256.198.814)
Lợi nhuận trước thuế TNDN (50 = 30 + 40 + 45)	50		3.769.520.728.432	2.394.404.194.432
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	517.116.335.811	390.183.260.599
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	35	2.189.802.417	(6.214.468.936)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.250.214.590.204	2.010.435.402.769
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		105.961.744.233	56.247.864.906
Chủ sở hữu của Công ty	62		3.144.252.845.971	1.954.187.537.863
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	6.435	Đã điều chỉnh lại 3.999

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.769.520.728.432	2.394.404.194.432
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.106.005.660.313	720.195.566.311
Phân bổ lợi thế thương mại	02		244.886.781.601	275.023.878.726
Các khoản dự phòng	03		209.663.586.663	(147.647.242.587)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		82.549.401.774	9.755.308.690
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(23.625.391.281)	(239.922.767.209)
Chi phí lãi vay	06		350.628.944.467	370.947.849.826
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.739.629.711.969	3.382.756.788.189
Biến động các khoản phải thu và phải thu khác	09		(39.335.171.949)	184.894.312.063
Biến động hàng tồn kho	10		235.303.034.097	(1.216.858.380.400)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(2.199.063.441.613)	1.674.080.391.405
Biến động chi phí trả trước	12		(105.592.294.575)	43.029.826.617
Tiền lãi vay đã trả	13		(325.690.062.547)	(558.923.619.216)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(575.207.645.980)	(200.847.280.440)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		33.084.042.052	21.180.037.819
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(81.054.853.105)	(95.479.361.817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.682.073.318.349	3.233.832.714.220
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.084.828.194.450)	(2.921.311.668.380)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		21.687.699.513	11.605.368.430
Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23		(158.593.682.578)	(163.135.157.802)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.500.000.000	116.266.905.518
Tiền thu lãi tiền gửi	27		107.306.447.497	100.056.500.126
Mua thêm cổ phần của các công ty con từ cổ đông thiểu số của các công ty con này	29		-	(395.947.200.000)
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)		5	(56.955.592.861)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.169.883.322.879)	(3.252.465.252.108)

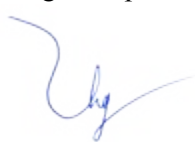
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN**

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31		475.000.000	620.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		21.167.443.398.643	18.941.877.013.166
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(22.097.815.712.253)	(17.672.451.806.682)
Tiền trả cổ tức	36		(681.451.419.825)	(420.496.176.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.611.348.733.435)	849.549.029.914
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(99.158.737.965)	830.916.492.026
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.125.322.390.697	1.294.493.700.487
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		116.814.973	(87.801.816)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	2.026.280.467.705	2.125.322.390.697

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:


Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Lý Thị Ngân
Kế toán trưởngTrần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình và trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế và tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ ống inox;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyển giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao; và
- Ủy thác xuất – nhập khẩu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12, Tập đoàn có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Công ty con cấp 1	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn	
			31/12/2014	31/12/2013
1	Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,72%	99,72%
2	Công ty CP Nội thất Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	99,60%	99,60%
3	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,91%	99,89%
4	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,67%	99,67%
5	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,67%	99,67%
6	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép các loại, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, máy điều hòa, máy giặt, tủ lạnh.	99,00%	99,00%
7	Công ty CP Thép Hòa Phát	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,99%	99,99%
8	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	99,96%
9	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	84,95%	84,95%
10	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	99,89%
11	Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%
12	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt, bô xít, các kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất than cốc, thạch cao, vôi, kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt thép và kim loại màu.	99,80%	99,80%
13	Công ty TNHH Một thành viên Khoáng sản Nam Giang (*)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.	100%	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**Tỷ lệ lợi ích và
quyền biểu quyết
gián tiếp của Tập đoàn**

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	31/12/2014	31/12/2013
<i>Công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>				
1	Công ty TNHH Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	100%	100%
2	Công Ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,90%	99,90%
<i>Công ty con của Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>				
3	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
4	Công ty TNHH Một thành viên Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	100%
5	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chánh Nguyên (**)	Sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép.	99,86%	-
6	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát Đà Nẵng (***)	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép	99,92%	-
<i>Công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>				
7	Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	100%	100%
8	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	100%	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tỷ lệ lợi ích và
quyền biểu quyết
gián tiếp của Tập đoàn

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	31/12/2014	31/12/2013
<i>Công ty con của Công ty CP Golden Gain Việt Nam</i>				
9	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bắt động sản.	94,96%	94,96%
10	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lễ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bắt động sản.	99,57%	99,57%
<i>Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên thép Hòa Phát</i>				
11	Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%
<i>Công ty con của Công ty con của Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát</i>				
12	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại và bán buôn máy móc.	99,77%	99,77%
13	Công ty CP Khoáng sản Đức Long	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	99,98%	99,98%
14	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	98,42%	63,50%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu
quyết của Tập đoàn
31/12/2014 31/12/2013**

STT Công ty liên kết Hoạt động chính

- | | | | | |
|---|---|---|-----|-----|
| 1 | Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG | Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; và sản xuất than cốc, vôi, thạch cao. | 38% | 38% |
| 2 | Công ty CP Đầu tư Khai thác Khoáng Sản Yên Phú (****) | Khai thác mỏ và quặng sắt; sản xuất than cốc; sản xuất sắt, thép, gang và khai thác và thu gom than non, than bùn và quặng bô xít. | - | 50% |

- (*) Đây là công ty con được thành lập trong năm.
(**) Đây là công ty con cấp 2 được mua trong năm.
(***) Đây là công ty con cấp 2 được thành lập trong năm.
(****) Khoản đầu tư vào công ty liên kết này đã được chuyển nhượng cho một bên thứ ba trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 10.565 nhân viên (31/12/2013: 9.701 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.1 Cơ sở hợp nhất

(a) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn sử dụng giá trị ghi sổ theo nguyên tắc giá gốc của các tài sản và nợ phải trả thuần của công ty được mua dựa vào công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với Tập đoàn.

Các chi phí giao dịch phát sinh bởi Tập đoàn liên quan đến hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán viên, chuyên gia tư vấn pháp lý, chuyên gia thẩm định giá và các chuyên gia tư vấn khác liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận không được tính vào chi phí hợp nhất kinh doanh, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(c) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(d) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định trong giai đoạn trước hoạt động của một số công ty con của Công ty, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hữu hình hoàn thành đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi hoặc lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện hoặc vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu đơn vị nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí trực tiếp khác.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng, ngoại trừ chi phí đại tu và sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 3.11 (c)), được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 12 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 10 năm

3.8 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 15 đến 46 năm. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 6 năm.

3.9 Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 5 – 49 năm

3.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3.11 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(c) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) *Chênh lệch tỷ giá*

Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện trong giai đoạn trước hoạt động của một số công ty con của Công ty được ghi nhận trên tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con này bắt đầu đi vào hoạt động. Tại thời điểm đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trước hoạt động được chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(e) *Chi phí thăm dò và đánh giá*

Các hoạt động thăm dò và đánh giá liên quan đến việc tìm kiếm nguồn tài nguyên, xác định tính khả thi về kỹ thuật và đánh giá tính khả thi về thương mại của nguồn tài nguyên đã được xác định.

Chi phí thăm dò và đánh giá được vốn hóa cho đến khi Tập đoàn vẫn còn có quyền được hoạt động trong khu vực lợi ích và các hoạt động thăm dò chủ yếu trên khu vực lợi ích vẫn được tiếp tục và Tập đoàn có thể thu được lợi ích kinh tế từ các chi phí này. Chi phí thăm dò và đánh giá không thỏa mãn điều kiện trên sẽ được xóa sổ trong năm chi phí đó phát sinh, ngoại trừ trường hợp sau:

Tại thời điểm mà các thủ tục thăm dò và đánh giá được tiến hành đủ để xác định sự tồn tại của các nguồn tài nguyên mang tiềm năng kinh tế:

- Các chi phí thăm dò và đánh giá dự kiến thu lại được qua quá trình triển khai và khai thác hiệu quả trong khu vực được vốn hóa cho đến khi bắt đầu tiến hành các hoạt động kinh doanh và sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Các chi phí thăm dò và đánh giá liên quan tới các thủ tục thăm dò và đánh giá xác định rằng không tồn tại nguồn tài nguyên có trữ lượng có thể thu hồi lại hiệu quả kinh tế sẽ được xóa sổ.

Chi phí thăm dò đủ điều kiện vốn hóa được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn theo nguyên giá. Các chi phí này được phân bổ từ ngày bắt đầu hoạt động thương mại theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các mỏ tương ứng.

(f) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(g) *Chi phí giải phóng mặt bằng*

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

(h) *Chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ*

Chi phí này bao gồm chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá năm năm.

(i) *Thay đổi thời gian hữu dụng ước tính*

Trong năm, Tập đoàn đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số khoản mục chi phí trả trước dài hạn từ trong vòng 5 - 29 năm sang trong vòng 5 - 10 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng của thay đổi thời gian sử dụng ước tính là làm giảm lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn 117.288 triệu VND. Ban Giám đốc coi khoản chi phí tăng thêm này là chênh lệch tạm thời cho mục đích tính thuế để thể hiện sự thận trọng của Tập đoàn về việc tính toán và nộp thuế thu nhập cho năm 2014.

3.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý tài sản thuần của đơn vị bị mua vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trong năm, Ban Giám đốc đã đánh giá lại những lợi ích mà các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trước đây có thể mang lại và quyết định giảm thời gian phân bổ một số khoản lợi thế thương mại từ 10 năm xuống tối đa là 5 năm. Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính kế toán này đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 là đã làm giảm lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn 40 tỷ VND.

3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

3.14 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

3.15 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(b) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.17 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của dịch vụ tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****(c) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(d) Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(e) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(f) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.18 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Ưu đãi thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như một phần của tổng chi phí thuê hoạt động.

3.19 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

3.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

3.21 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, các nhân viên quản lý chủ chốt của Tập đoàn, các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này và các công ty con và công ty liên kết của các cá nhân này và các công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất thép các loại: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Kinh doanh máy móc xây dựng: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa;
- Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh: sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất và các sản phẩm điện lạnh;
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, và đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật;
- Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản: Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt, sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất, truyền tải, phân phối điện, bán buôn kim loại và quặng kim loại, và buôn bán than luyện cốc và than các loại; và
- Đầu tư tài chính (công ty mẹ): đầu tư dài hạn vào các công ty con và công ty liên kết.

Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Giám đốc xác định rằng, hiện tại Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014								
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	19.794.972.649.539	254.794.161.843	1.996.280.783.781	2.698.660.955.286	779.129.872.264	1.510.400.000	-	25.525.348.822.713
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	9.877.775.346.029	57.002.130.942	62.528.351.752	77.264.639.706	3.686.521.135.577	27.932.356.667	(13.789.023.960.673)	-
Tổng doanh thu của bộ phần	29.672.747.995.568	311.796.292.785	2.058.809.135.533	2.775.925.594.992	4.465.651.007.841	29.442.756.667	(13.789.023.960.673)	25.525.348.822.713
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.148.932.445.066	50.096.699.438	339.422.252.347	980.573.580.565	382.925.818.097	1.179.329.971.664	(1.271.127.071.093)	3.810.153.696.084
Thu nhập khác	214.958.420.055	6.772.708.115	30.241.716.842	18.111.350.685	46.856.503.893	17.087.860.027	(58.428.235.206)	275.600.324.411
Chi phí khác	(211.702.256.725)	(5.480.646.397)	(49.184.282.186)	(17.312.052.149)	(63.485.418.698)	(1.814.692.743)	32.917.312.142	(316.062.036.756)
Phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn cần chia sẻ	-	-	-	-	-	-	(171.255.307)	(171.255.307)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(162.313.785.534)	(11.380.750.364)	(66.605.181.861)	(220.750.201.606)	(49.997.642.627)	(6.068.773.819)	-	(517.116.335.811)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	3.694.053.830	475.965.441	(631.972.329)	(568.878.426)	184.559.431	-	(5.343.530.364)	(2.189.802.417)
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.993.568.876.692	40.483.976.233	253.242.532.813	760.053.799.069	316.483.820.096	1.188.534.365.129	(1.302.152.779.828)	3.250.214.590.204

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014								
Tài sản của bộ phận	14.520.467.566.744	277.974.981.094	1.565.977.104.081	2.201.405.228.769	3.944.031.864.617	773.760.011.158	(1.198.509.496.109)	22.085.107.260.354
Khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	7.590.768.437.533	(7.590.768.437.533)	-
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	5.730.000.000	(1.732.862.551)	3.997.137.449
Tổng tài sản	14.520.467.566.744	277.974.981.094	1.565.977.104.081	2.201.405.228.769	3.944.031.864.617	8.370.258.448.691	(8.791.010.796.193)	22.089.104.397.803
Nợ phải trả của bộ phận	8.264.574.749.070	42.346.408.104	734.977.331.273	666.464.454.925	1.477.971.282.604	129.219.019.165	(1.191.788.590.947)	10.123.764.654.194
Tổng nợ phải trả	8.264.574.749.070	42.346.408.104	734.977.331.273	666.464.454.925	1.477.971.282.604	129.219.019.165	(1.191.788.590.947)	10.123.764.654.194
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014								
Chi tiêu vốn	717.807.064.200	4.225.356.610	190.402.794.246	8.162.630.836	151.103.407.680	15.861.010.537	(2.734.069.659)	1.084.828.194.450
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	(649.164.573.228)	(12.773.724.431)	(73.380.455.918)	(19.675.463.368)	(333.829.947.548)	(18.584.190.004)	6.417.726.338	(1.100.990.628.159)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(1.637.845.049)	(833.130.094)	(2.045.864.344)	-	(219.802.670)	(587.200.353)	308.810.356	(5.015.032.154)
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(75.304.600.468)	(681.344.524)	(15.798.406.390)	(2.416.098.399)	(165.962.393.485)	(1.812.914.213)	932.602.695	(261.043.154.784)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013							
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	14.642.500.032.684	261.223.153.267	1.900.062.537.069	703.202.295.051	2.265.600.000	-	18.934.292.150.531
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	6.298.166.515.292	97.386.033.526	66.960.224.790	2.692.425.506.263	29.882.280.000	(9.193.138.236.766)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	20.940.666.547.976	358.609.186.793	1.967.022.761.859	3.395.627.801.314	32.147.880.000	(9.193.138.236.766)	18.934.292.150.531
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	1.377.517.406.169	47.266.481.354	314.532.590.352	632.243.154.264	1.278.471.347.643	(1.590.104.175.481)	2.361.793.457.152
Thu nhập khác	152.620.595.545	2.852.508.519	5.247.775.755	7.592.158.266	21.939.485.136	1.392.770.104	199.104.247.497
Chi phí khác	(150.476.413.191)	(374.319.496)	(1.752.890.351)	(6.856.852.178)	(2.553.573.381)	-	(166.237.311.403)
Phân bổ của công ty liên kết mà Tập đoàn cần chia sẻ	-	-	-	-	-	(256.198.814)	(256.198.814)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(162.400.763.975)	(9.508.411.922)	(69.796.085.788)	(72.198.752.389)	(1.261.424.409)	-	(390.183.260.599)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	2.917.619.794	(207.799.306)	402.302.636	(281.290.948)	-	1.830.959.108	6.214.468.936
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.220.178.444.342	40.028.459.149	248.633.692.604	560.498.417.015	1.296.595.834.989	(1.587.136.645.083)	2.010.435.402.769

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Đầu tư tài chính (Công ty mẹ) VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013								
Tài sản của bộ phận	13.467.938.943.304	267.428.224.910	1.387.681.607.248	3.616.561.415.557	4.527.137.556.499	930.952.661.619	(1.126.875.716.889)	23.070.824.692.248
Khoản đầu tư vào các công ty con	-	-	-	-	-	7.460.768.437.533	(7.460.768.437.533)	-
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	7.230.000.000	(1.676.829.559)	5.553.170.441
Tổng tài sản	13.467.938.943.304	267.428.224.910	1.387.681.607.248	3.616.561.415.557	4.527.137.556.499	8.398.951.099.152	(8.589.320.983.981)	23.076.377.862.689
Nợ phải trả của bộ phận	8.445.596.421.236	52.479.312.594	700.837.451.721	2.667.016.740.032	2.159.942.758.354	581.248.111.090	(1.117.702.951.897)	13.489.417.843.130
Tổng nợ phải trả	8.445.596.421.236	52.479.312.594	700.837.451.721	2.667.016.740.032	2.159.942.758.354	581.248.111.090	(1.117.702.951.897)	13.489.417.843.130
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013								
Chi tiêu vốn	2.427.883.901.388	2.438.661.210	68.098.175.041	3.942.227.433	549.879.218.117	31.212.377.024	(9.631.363.196)	3.073.823.197.017
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	(390.880.019.244)	(14.338.508.601)	(64.970.494.673)	(10.797.693.677)	(220.289.582.640)	(19.200.385.071)	5.350.691.729	(715.125.992.177)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(1.623.846.419)	(902.333.448)	(2.126.275.028)	-	(231.126.873)	(494.802.722)	308.810.356	(5.069.574.134)
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(49.109.974.393)	(1.231.828.051)	(13.354.757.735)	(18.757.927.250)	(31.828.045.628)	(3.352.816.987)	1.195.823.958	(116.439.526.086)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****5. Hợp nhất kinh doanh**

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát, một công ty con của Tập đoàn, nhận chuyển nhượng 99,86% vốn cổ phần và quyền kiểm soát tương ứng của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chánh Nguyên, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Việc mua công ty con này có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chánh Nguyên VND
Tiền	2.434.911.465
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.740.000.000
Hàng tồn kho	20.655.867.164
Tài sản ngắn hạn khác	29.839.078.758
Tài sản cố định	13.147.768.106
Tài sản dài hạn khác	148.545.941
Nợ ngắn hạn	(62.680.209.812)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	5.285.961.622
Lợi ích của Tập đoàn trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	5.278.561.276
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	54.111.943.050
Khoản thanh toán cho việc mua lại	59.390.504.326
Khoản tiền thu được	(2.434.911.465)
Khoản tiền thanh toán thuần	56.955.592.861

Căn cứ vào Công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với Công ty, trong trường hợp Công ty không thể xác định được một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của các công ty mua lại được, Công ty đã sử dụng giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả thuần của công ty được mua lại để xác định lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh.

Trong giai đoạn từ ngày mua tới ngày 31 tháng 12 năm 2014, hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 45.946 triệu VND doanh thu và 9.378 triệu VND lợi nhuận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	5.253.004.793	4.268.531.258
Tiền gửi ngân hàng	477.066.928.012	278.483.558.353
Tiền đang chuyển	9.629.361.216	11.026.058
Các khoản tương đương tiền	1.534.331.173.684	1.842.559.275.028
	2.026.280.467.705	2.125.322.390.697

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Phải thu ngắn hạn khác gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mất chờ bồi thường	23.560.742.480	-
Tiền tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng	-	8.433.878.502
Lãi phải thu	14.123.482.004	11.299.623.837
Vật tư mang đi gia công	629.364.400	1.110.597.665
Phải thu khác	17.647.550.348	13.934.886.765
	55.961.139.232	34.778.986.769

Phải thu dài hạn khác gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản ủy thác đầu tư (*)	-	448.979.590.000
Phải thu khác	-	779.648.679
	-	449.759.238.679

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (Thuyết minh 21). Tập đoàn xác định lại khoản đầu tư này không thuộc tài sản của Tập đoàn. Mọi trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này đều không thuộc về Tập đoàn. Vì vậy, khoản đầu tư này được phản ánh như một tài khoản ngoại bảng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	585.168.710.926	886.720.639.117
Nguyên vật liệu	3.314.175.008.838	2.383.614.274.577
Công cụ và dụng cụ	554.482.318.301	250.397.310.728
Sản phẩm dở dang	382.083.095.714	2.724.837.093.296
Thành phẩm	2.590.754.929.766	1.760.046.969.711
Hàng hóa	46.774.019.099	55.818.315.348
Hàng gửi đi bán	127.672.221.874	3.420.286.674
	7.601.110.304.518	8.064.854.889.451
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(214.721.256.353)	(35.279.600.260)
	7.386.389.048.165	8.029.575.289.191

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	35.279.600.260	25.919.270.311
Tăng dự phòng trong năm	197.092.924.400	34.122.029.819
Hoàn nhập	(17.651.268.307)	(24.761.699.870)
	214.721.256.353	35.279.600.260

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 2.629.128 triệu VND (31/12/2013: 3.151.854 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 1.671.335 triệu VND giá trị hàng tồn kho (31/12/2013: 137.251 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	11.702.554.613	14.086.226.322
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp Ngân sách Nhà nước cho khoản ứng trước từ khách hàng mua căn hộ	-	19.975.680.534
Các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước	1.200.269.655	82.722.934
	12.902.824.268	34.144.629.790

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.341.706.732.178	22.828.322.142	9.066.595.704.271	316.153.784.071	628.442.662	11.747.912.985.324
Tăng trong năm	14.266.255.859	1.556.864.305	62.295.998.546	67.636.597.267	-	145.755.715.977
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	253.141.579.010	3.128.673.585	350.074.819.456	8.560.899.976	-	614.905.972.027
Mua một công ty con cấp 2 (Thuyết minh 5)	8.329.547.618	-	29.502.829.726	964.859.832	-	38.797.237.176
Thanh lý và xóa sổ	(16.227.596.246)	(257.927.149)	(173.415.635.348)	(28.695.507.604)	(34.000.000)	(218.630.666.347)
Phân loại lại	488.930.992	(85.714.312)	(529.560.433)	126.343.753	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.150.292.275)	-	-	-	-	(1.150.292.275)
Chuyển từ/(sang) sản phẩm dở dang	112.262.657.000	-	(150.000.000)	-	-	112.112.657.000
Biến động khác	(1.373.863.952)	(51.628.570)	(7.171.691.509)	-	-	(8.597.184.031)
Số dư cuối năm	2.711.443.950.184	27.118.590.001	9.327.202.464.709	364.746.977.295	594.442.662	12.431.106.424.851
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	490.723.286.497	13.966.982.013	2.228.900.881.249	149.197.053.113	628.442.662	2.883.416.645.534
Khấu hao trong năm	197.021.977.950	2.971.117.440	852.774.666.905	39.184.622.757	-	1.091.952.385.052
Mua một công ty con cấp 2 (Thuyết minh 5)	3.457.257.197	-	24.245.397.709	108.354.159	-	27.811.009.065
Thanh lý và xóa sổ	(9.598.311.859)	(246.548.977)	(89.913.689.764)	(21.543.005.649)	(34.000.000)	(121.335.556.249)
Phân loại lại	(3.315.378)	-	(36.630.225)	39.945.603	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(59.911.055)	-	-	-	-	(59.911.055)
Biến động khác	-	(1.075.595)	29.646.261	806.364.065	-	834.934.731
Số dư cuối năm	681.540.983.352	16.690.474.881	3.016.000.272.135	167.793.334.048	594.442.662	3.882.619.507.078
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.850.983.445.681	8.861.340.129	6.837.694.823.022	166.956.730.958	-	8.864.496.339.790
Số dư cuối năm	2.029.902.966.832	10.428.115.120	6.311.202.192.574	196.953.643.247	-	8.548.486.917.773

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 921.127 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 787.029 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.143.899 triệu VND (31/12/2013: 6.967.473 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	211.552.776.453	2.996.746.855	1.367.576.332	215.917.099.640
Tăng trong năm	-	181.000.000	-	181.000.000
Mua một công ty con cấp 2 (Thuyết minh 5)	472.860.000	-	-	472.860.000
Thanh lý và xóa sổ	(2.872.860.000)	-	-	(2.872.860.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(2.986.951.211)	-	-	(2.986.951.211)
Biến động khác	-	(75.000.000)	-	(75.000.000)
Số dư cuối năm	206.165.825.242	3.102.746.855	1.367.576.332	210.636.148.429
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	23.905.640.318	1.871.197.193	1.076.647.026	26.853.484.537
Khấu hao trong năm	4.165.708.793	697.851.765	151.471.596	5.015.032.154
Thanh lý và xóa sổ	(320.148.116)	-	-	(320.148.116)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(1.002.762.218)	-	-	(1.002.762.218)
Biến động khác	-	(75.000.000)	-	(75.000.000)
Số dư cuối năm	26.748.438.777	2.494.048.958	1.228.118.622	30.470.606.357
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	187.647.136.135	1.125.549.662	290.929.306	189.063.615.103
Số dư cuối năm	179.417.386.465	608.697.897	139.457.710	180.165.542.072

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) mà tiền thuê đất đã được trả trước toàn bộ theo quy định tại Thông tư 45. Quyền sử dụng đất này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15).

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 881 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 365 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 80.004 triệu VND (31/12/2013: 96.265 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN****12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	133.570.569.419	2.545.104.717.735
Tăng trong năm	936.923.818.108	2.948.310.857.967
Thanh lý một công ty con cấp 2	-	(104.523.432.005)
Mua một công ty con cấp 2 (Thuyết minh 5)	1.688.679.995	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(614.905.972.027)	(5.207.190.776.690)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(1.267.660.800)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(5.427.290.909)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(14.828.352.470)	(30.392.219.720)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.044.634.617)	(8.824.912.067)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(5.282.408.650)
Thanh lý	(8.288.758.922)	-
Biến động khác	1.784.098.411	(2.363.596.351)
Số dư cuối năm	429.472.156.988	133.570.569.419

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí mở rộng nhà máy phôi 1	75.052.000	44.999.800.849
Dự án mở rộng phân xưởng khuôn mẫu và nhà máy sản xuất ghế xoay	-	44.753.315.330
Nhà máy phôi 2	38.223.102.752	-
Nhà máy luyện gang	83.551.944.552	-
Nhà máy sản xuất quặng thiêu kết	16.978.885.135	-
Chi phí giải phóng mặt bằng đất bổ sung	73.368.519.432	-
Vật tư xây dựng cơ bản dở dang và máy móc thiết bị chưa lắp đặt chưa được phân bổ vào hạng mục	79.559.496.782	-
Dự án xây dựng xưởng mạ	27.041.919.136	-
Nhà máy tủ lạnh	15.861.489.223	-
Dây chuyền mạ dải	49.191.251.977	-
Các dự án khác	45.620.495.999	43.817.453.240
Số dư cuối năm	429.472.156.988	133.570.569.419

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương với 2.484 triệu VND (2013: 152.512 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****13. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	88.066.912.353	-	88.066.912.353
Tăng trong năm	1.967.660.365	-	1.967.660.365
Chuyển từ sản phẩm dở dang	121.203.766.400	15.780.994.600	136.984.761.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.427.290.909	-	5.427.290.909
Số dư cuối năm	216.665.630.027	15.780.994.600	232.446.624.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	26.064.617.589	-	26.064.617.589
Khấu hao trong năm	9.038.243.107	-	9.038.243.107
Số dư cuối năm	35.102.860.696	-	35.102.860.696
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	62.002.294.764	-	62.002.294.764
Số dư cuối năm	181.562.769.331	15.780.994.600	197.343.763.931

Bất động sản đầu tư là nhà cửa của Tập đoàn bao gồm nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam, một số tầng cho thuê của các tòa nhà tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam và tại dự án Mandarin Garden, Hoàng Minh Giám, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất liên quan tới dự án Mandarin Garden. Quyền sử dụng đất này có thời hạn không xác định nên Tập đoàn không thực hiện trích khấu hao.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

14. Các khoản đầu tư tài chính**14.1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm tại các tổ chức tài chính, hưởng lãi suất từ 4,2% đến 8,2% (2013: 6,5% đến 8%) một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****14.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết (*)	3.997.137.449	5.553.170.441
Các khoản đầu tư dài hạn khác (**)	57.187.691.074	15.702.128.365
	61.184.828.523	21.255.298.806

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú	-	1.470.784.883
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	3.997.137.449	4.082.385.558
	3.997.137.449	5.553.170.441

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Số dư đầu năm	5.553.170.441	5.809.369.255
Phân lỗ từ các công ty liên kết	(171.255.307)	(256.198.814)
Thanh lý công ty liên kết	(1.384.777.685)	-
	3.997.137.449	5.553.170.441

(**) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà (***)	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội (***)	700.000.000	700.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (****)	41.485.562.709	-
Các khoản đầu tư khác	2.128.365	2.128.365
	57.187.691.074	15.702.128.365

(***) Đây là các khoản đầu tư vốn dài hạn với tỷ lệ vốn góp thực tế dưới 20%.

(****) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại các tổ chức tài chính, được hưởng lãi suất từ 6,2% đến 7,7% một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Chi phí thăm dò và đánh giá VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	816.486.919	69.862.638.062	3.935.359.153	14.972.021.746	44.480.267.038	55.982.509.744	41.852.214.494	72.850.873.140	21.676.162.792	326.428.533.088
Tăng trong năm	-	54.500.048.979	249.814.918.467	-	-	80.200.000.000	-	-	18.895.270.317	403.410.237.763
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	-	-	-	1.090.381.220	-	1.090.381.220
Chuyển từ tài sản cố định vô hình (*)	-	-	-	-	-	1.984.188.993	-	-	-	1.984.188.993
Chuyển từ xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản đó đang	-	3.606.530.487	-	-	-	-	-	9.146.294.007	2.075.527.976	14.828.352.470
Mua một công ty con cấp 2 (Thuyết minh 5)	-	148.545.941	-	-	-	-	-	-	-	148.545.941
Phân loại lại	1.919.193.629	(15.924.227.823)	23.380.770.141	-	-	-	(8.476.266.129)	-	(899.469.818)	-
Chuyển sang ký quỹ dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.529.667.622)	(3.529.667.622)
Phân bổ trong năm	(2.735.680.548)	(52.924.255.240)	(38.661.897.581)	(9.702.717.558)	(44.480.267.038)	(3.512.772.357)	(8.148.851.662)	(83.087.548.367)	(17.789.164.433)	(261.043.154.784)
Thanh lý và xóa sổ	-	(98.687.166)	-	-	-	-	-	-	-	(98.687.166)
Số dư cuối năm	-	59.170.593.240	238.469.150.180	5.269.304.188	-	134.653.926.380	25.227.096.703	-	20.428.659.212	483.218.729.903

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị còn lại của quyền sử dụng đất đối với đất thuê dài hạn sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 theo quy định tại Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định vô hình trong năm (Thuyết minh 11).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một số chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 37.661 triệu VND (31/12/2013: 38.955 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí phải trả	10.705.727.819	11.110.638.686
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ bán hàng tồn kho và bán tài sản cố định giữa các công ty trong Tập đoàn	38.299.108.599	43.114.983.133
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.060.612.456	119.184.039
	52.065.448.874	54.344.805.858

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Lợi thế thương mại

	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông VND	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VND	Công ty CP Golden Gain Việt Nam VND	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát VND	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội VND	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội VND	Công ty TNHH Bảo bi Việt VND	Công ty CP Khoáng sản Đức Long VND	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên VND	TNHH Sản xuất và Thương mại Chánh Nguyên VND	Tổng VND
Giá gốc											
Số dư đầu năm	350.232.527.609	206.244.396.684	355.059.967.828	34.014.618.203	74.526.572.949	89.496.114.296	29.824.917.043	88.314.041.292	2.783.778.959	-	1.230.496.934.863
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54.111.943.050	54.111.943.050
Số dư cuối năm	350.232.527.609	206.244.396.684	355.059.967.828	34.014.618.203	74.526.572.949	89.496.114.296	29.824.917.043	88.314.041.292	2.783.778.959	54.111.943.050	1.284.608.877.913
Giá trị phân bổ lũy kế											
Số dư đầu năm	160.523.241.021	73.904.242.144	278.458.177.531	8.895.222.935	37.111.449.575	32.349.301.436	24.357.015.593	41.322.220.692	719.142.898	-	657.640.013.825
Phân bổ trong năm	35.023.253.560	20.624.439.668	76.601.790.297	3.401.461.820	12.471.707.791	19.048.937.620	5.467.901.450	46.991.820.600	2.064.636.061	23.190.832.734	244.886.781.601
Số dư cuối năm	195.546.494.581	94.528.681.812	355.059.967.828	12.296.684.755	49.583.157.366	51.398.239.056	29.824.917.043	88.314.041.292	2.783.778.959	23.190.832.734	902.526.795.426
Giá trị ghi sổ											
Số dư đầu năm	189.709.286.588	132.340.154.540	76.601.790.297	25.119.395.268	37.415.123.374	57.146.812.860	5.467.901.450	46.991.820.600	2.064.636.061	-	572.856.921.038
Số dư cuối năm	154.686.033.028	111.715.714.872	-	21.717.933.448	24.943.415.583	38.097.875.240	-	-	-	30.921.110.316	382.082.082.487

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****18. Vay ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	5.515.438.574.744	5.523.878.392.658
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24)	221.544.862.065	219.681.425.090
	5.736.983.436.809	5.743.559.817.748

Trong số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản vay bằng VND và USD với giá trị tương ứng là 1.173.324 triệu VND và 4.342.115 triệu VND (31/12/2013: 4.812.292 triệu VND và 711.587 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản vay ngắn hạn bằng VND và các khoản vay bằng USD giá trị ghi sổ tương ứng là 1.003.014 triệu VND và 3.554.204 triệu VND (31/12/2013: 4.486.590 triệu VND và 399.663 triệu VND) được bảo đảm bằng một số hàng tồn kho, các khoản phải thu khách hàng và tài sản cố định của Tập đoàn và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“cổ phiếu HPG”) thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất tương ứng từ 3,5% đến 6,5% (2013: 4% đến 9,5%) một năm và từ 1,4% đến 4% (2013: 1,6% đến 6%) một năm.

19. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	62.522.514.742	31.168.739.243
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.619.285.971	2.150.007.216
Thuế xuất nhập khẩu	-	41.473.189
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	231.205.884.141	315.239.777.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán	186.503.400	3.769.734.413
Thuế thu nhập cá nhân	1.084.181.596	821.584.289
Thuế tài nguyên	5.504.672.313	8.667.249.873
Tiền thuê đất	136.419.167.478	11.313.731.067
Phụ phí giao thông	21.139.062.856	9.687.145.256
Các loại thuế khác	3.019.542.227	4.993.654.347
	463.700.814.724	387.853.096.459

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****20. Chi phí phải trả**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí phải trả cho nhà thầu	14.337.625.015	240.573.720.111
Chi phí lãi vay	51.571.875.622	24.902.187.906
Trích trước chi phí xây dựng Khu công nghiệp Hòa Mạc	12.860.214.326	18.252.745.742
Trích trước chi phí xây dựng Khu công nghiệp Phố Nối A	37.587.324.593	22.383.303.206
Tiền điện	12.727.993.710	9.180.712.054
Phí dịch vụ	175.997.075	1.363.626.166
Chi phí khuyến mại	15.807.317.000	17.090.615.414
Chi phí bảo lãnh	1.732.775.389	1.903.451.185
Lương và thưởng	1.920.099.724	2.117.875.473
Phí vận chuyển	5.068.626.033	3.065.411.255
Phí sử dụng thông tin thăm dò địa chất	7.664.921.510	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	28.472.068.231	-
Chi phí khôi phục môi trường	4.417.769.085	-
Chi phí phải trả khác	10.400.605.591	4.613.981.700
	204.745.212.904	345.447.630.212

21. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Doanh thu chưa thực hiện	31.661.469.226	74.709.180
Hàng tạm nhập	-	24.923.444.550
Phải trả Công ty TNHH RHI Retractories Asia-Pacific PTE	12.433.066.383	11.983.252.776
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	3.756.425.917	3.756.425.917
Cổ tức phải trả	942.334.000	29.507.020.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.350.261.964	24.861.007.010
Chiết khấu thương mại	39.760.742.486	26.375.446.235
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	5.364.206.004	2.819.340.463
Chi phí lãi vay phải trả	18.844.445	1.749.650.241
Tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán	-	1.881.758.028.828
Hàng mượn	1.452.873.856	2.007.405.782
Tài sản thừa chờ xử lý	821.177.009	344.718.671
Các khoản phải trả khác	13.603.771.830	35.661.834.269
	134.165.173.120	2.045.822.283.922

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Phải trả dài hạn khác gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Khoản nhận ủy thác đầu tư (**)	-	448.979.590.000
Quỹ bảo trì căn hộ	80.112.371.674	39.803.572.545
Các khoản phải trả khác	15.956.334.290	26.147.529.105
	96.068.705.964	514.930.691.650

(**) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn nhận ủy thác đầu tư từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel. Tập đoàn xác định lại khoản đầu tư này không thuộc tài sản của Tập đoàn. Mọi trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này đều không thuộc về Tập đoàn. Vì vậy, khoản đầu tư này được phản ánh như một tài khoản ngoại bảng (Thuyết minh 7).

22. Dự phòng chi phí bảo hành

	2014 VND
Số dư đầu năm	13.212.673.156
Dự phòng lập trong năm	6.593.879.615
Dự phòng sử dụng trong năm	(104.756.137)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.530.622.935)
Số dư cuối năm	17.171.173.699

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương ứng.

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi và thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	90.863.645.308	48.353.389.704
Trích lập trong năm	219.220.272.122	114.372.976.377
Sử dụng trong năm	(95.513.948.065)	(71.862.720.773)
Số dư cuối năm	214.569.969.365	90.863.645.308

24. Vay dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	1.232.408.614.216	2.051.505.031.426
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	(221.544.862.065)	(219.681.425.090)
Hoàn trả sau 12 tháng	1.010.863.752.151	1.831.823.606.336

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	10,5 - 11,5	2020	577.072.326.185	714.021.685.457
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (a)	VND	9,6	2026	-	255.561.278.592
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (a)	USD	4,25 - 4,5	2014	-	16.447.082.225
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a)	VND	10,5 - 11,5	2015	-	10.000.000.000
Ngân hàng Indovina (a)	VND/ USD	9,7 - 10,5/ 4,7 - 5,5	2014	-	56.505.291.803
Ngân hàng ANZ (a)	VND	10,95 - 11,25	2016	-	156.205.872.508
Ngân hàng ANZ (a)	USD	4,5 - 4,73	2016	14.431.078.231	25.468.958.213
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	VND	10 - 11,5	2017	40.905.209.800	367.294.862.628
Vay từ cá nhân (b)	VND	9,6 - 12	2015	600.000.000.000	450.000.000.000
				1.232.408.614.216	2.051.505.031.426

- (a) Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn. Ngoài ra, các khoản vay dài hạn này còn được đảm bảo bằng một số cổ phiếu HPG, quyền sử dụng đất và một số tài sản đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai của một công ty con, một bất động sản của một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, và quyền khai thác mỏ của một công ty con và toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng trong tương lai của các mỏ này.
- (b) Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	4.421.231.105	290.114.305.696	1.392.723.430.940	8.085.135.114.809
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.954.187.537.863	1.954.187.537.863
Trả cổ tức	-	-	-	-	(419.052.533.000)	(419.052.533.000)
Phân bổ vào các quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	169.215.674.105	(169.215.674.105)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(114.372.976.377)	(114.372.976.377)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.556.000.000)	(2.556.000.000)
Biến động khác	-	-	(4.421.231.105)	(249.782.323)	1.657.124.550	(3.013.888.878)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	459.080.197.478	2.643.370.909.871	9.500.327.254.417
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.144.252.845.971	3.144.252.845.971
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27)	628.556.420.000	-	-	-	(628.556.420.000)	-
Trả cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(628.578.799.500)	(628.578.799.500)
Phân bổ vào các quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	215.703.435.443	(215.703.435.443)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(219.220.272.122)	(219.220.272.122)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	(747.002.410)	(747.002.410)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	4.819.081.750.000	2.207.350.817.068	-	674.783.632.921	4.094.767.826.367	11.795.984.026.356

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	62.855.642	628.556.420.000	-	-
Số dư cuối năm	481.908.175	4.819.081.750.000	419.052.533	4.190.525.330.000

27. Cổ tức

Ngày 2 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua phương án trả cổ tức năm 2013 cho các cổ đông bằng tiền theo tỷ lệ 15% trên mệnh giá với số tiền 628.579 triệu VND và 15% bằng cổ phiếu tương đương với 628.556 triệu VND. Phương án trả cổ tức này đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt vào ngày 28 tháng 3 năm 2014 và đã được trả trong năm.

28. Quỹ dự phòng tài chính

Hàng năm, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng bằng 10% vốn cổ phần của từng công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN****29. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	22.949.841.382.826	17.564.294.359.178
▪ Cung cấp dịch vụ	217.137.284.050	264.267.154.127
▪ Doanh thu cho thuê đất	116.571.864.216	72.593.851.920
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	2.332.487.033	-
▪ Doanh thu bán bất động sản	2.565.933.440.000	1.299.078.812.857
	25.851.816.458.125	19.200.234.178.082
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	281.303.344.443	200.412.506.403
▪ Giảm giá hàng bán	236.911.347	767.780.830
▪ Hàng bán bị trả lại	18.234.547.660	38.932.293.233
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	23.952.427.729	18.646.201.132
▪ Thuế xuất khẩu	2.740.404.233	7.183.245.953
	326.467.635.412	265.942.027.551
Doanh thu thuần	25.525.348.822.713	18.934.292.150.531

30. Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Thành phẩm đã bán	8.651.521.438.051	8.473.421.172.978
Hàng hoá đã bán	9.670.359.040.859	5.924.836.990.217
Dịch vụ đã cung ứng	150.960.358.144	188.878.344.199
Giá vốn của đất cho thuê	79.036.864.214	35.183.000.651
Giá vốn của bất động sản cho thuê	2.293.920.373	-
Giá vốn của bất động sản đã bán	1.604.733.261.945	1.018.860.798.210
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	179.441.656.093	9.360.329.949
	20.338.346.539.679	15.650.540.636.204

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	110.130.305.664	104.575.514.366
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.742.769.102	28.502.845.950
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	239.451.691	297.821.748
Lãi thanh lý một công ty con cấp 2	-	142.728.081.604
Lãi thanh lý một công ty liên kết	115.222.315	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	60.030.555	174.355.325
	160.287.779.327	276.278.618.993

32. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	350.628.944.467	370.947.849.826
Chiết khấu thanh toán	13.132.259.311	10.991.021.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.552.603.047	83.009.497.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	82.788.853.465	10.053.130.438
Chi phí hoa hồng trả cho một bên thứ ba liên quan đến việc thanh lý một công ty con cấp 2	-	42.247.074.304
Chi phí tài chính khác	4.731.570.789	11.160.331.344
	563.834.231.079	528.408.903.958

33. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21.687.699.513	11.605.368.430
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	200.134.101.488	137.657.560.272
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	10.943.678.423	1.337.297.969
Bất lợi thương mại phát sinh từ việc mua thêm cổ phần của công ty con	-	36.550.392.151
Thu nhập từ hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới	16.162.580.000	-
Thu nhập khác	26.672.264.987	11.953.628.675
	275.600.324.411	199.104.247.497

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****34. Chi phí khác**

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý và xóa sổ	108.136.580.904	13.289.515.039
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	197.570.300.053	135.129.274.388
Bồi thường cho đơn vị khác	5.845.257.706	4.354.203.398
Chi phí khác	4.509.898.093	13.464.318.578
	316.062.036.756	166.237.311.403

35. Thuế thu nhập**35.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Năm hiện hành	509.079.694.809	387.541.030.040
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	8.036.641.002	2.642.230.559
	517.116.335.811	390.183.260.599
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.189.802.417	(6.214.468.936)
	519.306.138.228	383.968.791.663

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****35.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	3.769.520.728.432	2.394.404.194.432
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Phân bổ lợi thế thương mại	244.886.781.601	275.023.878.726
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	175.566.755.545	-
Phân bổ nhanh chi phí trả trước dài hạn	117.288.588.054	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm hiện hành	65.023.529.722	(3.747.075.572)
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	36.854.407.529	19.631.380.813
Chi phí không được khấu trừ	55.219.326.127	51.873.936.263
Lỗ được chia từ các công ty liên kết	(171.255.307)	(256.198.814)
Thu nhập được miễn thuế	(92.012.366.858)	-
	4.372.176.494.845	2.736.930.115.848
Lỗ năm trước chuyển sang	(39.156.762.217)	(11.144.642.716)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.333.019.732.628	2.725.785.473.132
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính theo thuế suất của Công ty	953.264.341.178	681.446.368.283
Ưu đãi thuế của các công ty con	(294.115.875.285)	(281.104.928.159)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(153.782.530.478)	(24.934.988.654)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗ tính thuế của các công ty con	3.713.759.394	12.134.578.570
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	8.036.641.002	2.642.230.559
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	2.189.802.417	(6.214.468.936)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	519.306.138.228	383.968.791.663

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

35.3 Thuế suất áp dụng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường là 22% trên lợi nhuận tính thuế (2013: 25%). Mức thuế suất này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu, dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm, được tính như sau:

36.1. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014 (Số cổ phiếu)	2013 (Số cổ phiếu) Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	419.052.533	488.643.175
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27)	62.855.642	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Thuyết minh 41)	6.735.000	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	488.643.175	488.643.175

36.2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2014 VND	2013 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	3.144.252.845.971	1.954.187.537.863
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	488.643.175	488.643.175
	6.435	3.999

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36.3. Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27) và ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Thuyết minh 41) như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	419.052.533	4.663
Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	62.855.642	(608)
Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động	6.735.000	(56)
Số điều chỉnh lại	488.643.175	3.999

37. Các công cụ tài chính

37.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****(b) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

37.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	2.021.027	2.121.054
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(ii)	548.127	387.794
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	1.262.501	1.279.434
		3.831.655	3.788.282

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu chưa bị tổn thất như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Chưa quá hạn	1.033.395	1.153.575
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	174.379	74.676
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	35.519	42.692
Quá hạn trên 180 ngày	19.208	8.491
	1.262.501	1.279.434

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Số dư đầu năm	14.643.202.437	178.589.724.256
Tăng dự phòng trong năm	26.656.483.570	3.678.712.679
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(2.544.872.408)
Hoàn nhập	(497.809.680)	(165.080.362.090)
	40.801.876.327	14.643.202.437

37.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Hơn 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Phải trả người bán và phải trả khác	2.220.501	2.220.501	2.220.501	-	-	-
Các khoản vay	6.747.847	7.027.052	5.813.585	712.312	489.277	11.878
	8.968.348	9.247.553	8.034.086	712.312	489.277	11.878
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Phải trả người bán và phải trả khác	2.828.249	2.828.249	2.828.249	-	-	-
Các khoản vay	7.575.383	8.377.416	6.350.171	747.177	967.419	312.649
	10.403.632	11.205.665	9.178.420	747.177	967.419	312.649

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

37.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.003.226	1.309.800
Phải thu khách hàng	664.195	1.084.011
Tài sản tiền tệ khác	8.627	181.024
Phải trả người bán	(52.223.166)	(62.413.466)
Vay ngắn hạn	(200.495.055)	(34.447.456)
Vay dài hạn	(665.855)	(2.224.876)
	(242.708.028)	(96.510.963)

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
USD/VND	21.673	21.125

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	2.082.459	2.230.353
Nợ phải trả tài chính	(6.115.438)	(6.229.440)
	(4.032.979)	(3.999.087)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(632.409)	(1.345.944)

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi thả nổi thay đổi 1% một năm sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn 6.324 triệu VND (31/12/2013: 13.459 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, sẽ không thay đổi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****37.5 Giá trị hợp lý****(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.026.280	2.026.280	2.125.322	2.125.322
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.262.501	1.262.501	1.279.434	1.279.434
- Các tài sản tài chính khác	548.127	548.127	387.794	387.794
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(2.220.501)	(2.220.501)	(2.828.249)	(2.828.249)
- Các khoản vay	(6.747.847)	(6.699.359)	(7.575.383)	(7.678.237)
	(5.131.440)	(5.082.952)	(6.611.082)	(6.713.936)

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán.

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2014 VND	2013 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	628.556.420.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
Thành viên của Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	6.570.442.100	5.607.141.669
Thù lao	1.602.000.000	2.556.000.000

40. Các cam kết**40.1 Cam kết góp vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết góp vốn sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	5.670.000.000	5.670.000.000
Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú	-	13.500.000.000
	5.670.000.000	19.170.000.000

40.2 Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	1.526.992.678.044	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.281.122.723.574	511.029.000.000
	3.808.115.401.618	511.029.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****40.3 Hợp đồng thuê**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	4.958.113.156	7.361.064.432
Trong vòng hai đến năm năm	6.404.998.224	7.775.643.474
Sau năm năm	25.006.665.196	97.005.325.952
	36.369.776.576	112.142.033.858

41. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ - ĐHĐCĐ.2014 ngày 28 tháng 8 năm 2014 là 67.350 triệu VND theo mệnh giá, tương đương với 6.735.000 cổ phiếu. Các cổ phiếu thưởng này đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết trên thị trường từ ngày 25 tháng 2 năm 2015. Theo chính sách của Công ty, giá trị cổ phiếu phát hành cho người lao động sử dụng thặng dư vốn cổ phần không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

42. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	13.922.768.267.128	13.937.102.306.181
Chi phí nhân công	816.687.651.607	592.780.194.503
Chi phí khấu hao	1.106.005.660.313	720.195.566.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.499.439.974.894	1.085.670.258.288
Chi phí khác	2.569.908.722.359	1.201.478.463.530

Ngày 9 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngan
Kế toán trưởng




Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

39 Nguyễn Đình Chiểu , P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84) 4 36282011 Fax: (84) 4 62833456